

NHẤT THIẾT ÂM NGHĨA KINH

Sa-môn phiên dịch kinh Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 2

(Âm kinh Đại Bát-nhã từ quyển 52 đến 301)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 52

Năng biện (能辦). Ngược lại âm bồ mạn 蒲慢. Vận Anh Tập cho rằng: Sắp đặt đầy đủ. Thuyết Văn cho rằng chữ viết từ bộ lực (力) âm mới là bì miễn (疲免).

Thống nhiếp (統攝). Ngược lại âm trên là thông đồng 通棟. Khảo Thanh cho là thống lãnh. Ngược lại âm dưới là thương diệp 商葉. Bao Hàm chú giải sách Luận Ngữ rằng: Nhiếp là gồm tất cả. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký cho: là thay thế. Thuyết Văn cho nắm giữ. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh nhiếp 聶, âm nhiếp ngược lại âm ni triếp 尼輒.

Túng nhậm (縱任). Ngược lại âm trên là tướng dụng 將用. Ngược lại âm dưới là nhậm chẩm. Chữ viết từ bộ nhậm đến bộ nhân 人.

Quyên trừ (蠲除). Ngược lại âm quyết duyên 決緣. Quách Phác chú giải Phương Ngôn rằng: Quyên là trừ bỏ. Chữ viết từ bộ ích 益 đến bộ độc.

Khuy tổn (虧損). Ngược lại âm khu vi 驅為. Thuyết Văn cho là hao tổn khí. Chữ viết từ bộ hê, thanh khuy, hoặc viết từ bộ khuy 虧, âm khuy là âm hồ.

Vô biên biện (無邊辯). Ngược lại âm bì miễn 皮免. Quảng Nhã cho: là tranh cãi, trí tuệ. Tự Thư giải thích rằng: Biện là rất nhanh. Thuyết Văn cho rằng: Biện là trừ, bào chữa, biện hộ. Chữ viết từ bộ ngôn 言 thanh biện 辯.

Thanh lệnh 清令. Ngược lại âm lịch đình 歷丁. Thuyết Văn chữ viết đều từ bộ thủy. Chữ hình thanh.

Di tẫn 遺燼, ngược lại âm tịch dận 夕胤. Đỗ Dự chú giải Tả

Truyện nói là Lửa cháy hết còn lại tro tàn. Thuyết Văn cho rằng: Cây đước dư. Chữ viết từ bộ hỏa, thanh tần, âm tần đồng với âm trên.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 53

Bàn-Tăng-Già-Tri (般僧伽胝). Âm dưới là 知 tri, tiếng Phạm. là chiếc y lớn, hoặc gọi là Tăng Già Lê 僧伽梨, là Đức Phật khoát lên chiếc Ca-sa 袈娑. Y hạ chín điều, y thượng đến hai mươi lăm điều. Trong giữa số có từng điều đều gọi là Thời đại y khoát là m pháp phục. Có thể giảng nói giáo pháp, đầy đủ tướng ruộng phước. Là trên hết trong ba Y.

Thường thực 嘗食. Âm trên là thường 常. Thuyết Văn gọi là thường 嘗. Chữ viết từ bộ cam 甘 thanh thượng 尚.

Xuyết ẩm (𩚑飲). Ngược lại âm trên là san chuyết 珊拙. Thuyết Văn cho là Xuyết (𩚑) là uống. Chữ (𩚑) xuyết này là viết lược. Thanh xuyết. Trong văn kinh viết là xuyết này hoặc là viết (啜) xuyết này đều là văn chữ thường dùng. Ngược lại âm dưới là áp cảm 邑錦. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ đậu 酉 viết là xuyết, bộ đậu 酉 là văn cổ. Chữ tửu 酒 cũng từ bộ đậu 酉, nghĩa là uống. Nay viết tỉnh lược đi bộ đậu viết thành chữ 飲 ẩm, văn cổ từ bộ thủy đến bộ ẩm.

Ngộ Tẩm (悟寢. Ngược lại âm trên là ngộ 悟. Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: Tẩm là ngủ mà cũng nói ngộ, cũng là ngủ. Chữ giác 覺 là âm giáo. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ tẩm 寢 thanh tỉnh 省, ngộ 吾. Ngược lại âm dưới là xâm thắm 侵審. Quảng Nhã cho rằng: Tẩm 寢 là u tối. Thuyết Văn nói tẩm là nằm. Văn chữ Triệu viết từ bộ Đới. Nay lại cũng thuận thông dụng lược bớt đi từ bộ miên thanh thanh 侵, xâm 侵. Âm tẩm 寢 là âm mộng 夢.

Xảo đồ 巧屠. Ngược lại âm đường hồ 唐胡. Khảo Thanh cho là tàn sát. Thuyết Văn cho rằng: Phan ra, khoét ra. Chữ viết từ bộ thi 尸, giả 者 thanh tỉnh 省.

Phẫu Vi 剖為. Ngược lại âm phổ khẩu 普口. Thương Hiệt giải thích rằng: Phẫu 剖 là cắt ra, chẻ ra. Thuyết Văn cho rằng: 剖 Phẫu là phanh ra. Chữ viết từ bộ đao 刀 âm bộ, thanh bộ. Âm bộ ngược lại âm sĩ khẩu 士口.

Triền Khõa 纏裹. Ngược lại âm trên là trực liên 直連. Âm dưới là

cổ hỏa. Thiên Ngọc giải thích rằng: Khô là gói, bao lại, bọc lại. Thuyết Văn cho rằng: Khô cũng giống như chữ triển, nghĩa là quán, bó quanh. Chữ trên dưới đều là bộ y thanh qua.

Phát mao 髮毛. Ngược lại âm phương miệt 方蟻. Cố Dã Vương cho rằng: Trên đầu có lông, tóc. Thuyết Văn rằng: Chữ viết từ bộ tiêu (彤) thanh phát. Âm tiêu 彤, ngược lại âm tất điều 必姚. Âm phát ngược lại âm bồ mạt 蒲末.

Trảo xỉ 爪齒. Ngược lại âm trên là trắc giảo 側狡. Thuyết Văn cho là Trảo (爪) là móng tay và móng chân, là Chữ tượng hình. Ngược lại âm dưới là xương chỉ 昌止. Thuyết Văn nói rằng: Xương lợi trong miệng, giống như răng trong miệng, là Chữ tượng hình. Thanh chỉ 止. Âm ngân 斷 là âm ngân 銀.

Cân mạch 筋脈. Ngược lại âm trên là cẩn hân 謹欣. Theo sách Chu Lễ cho rằng: Người thầy thuốc lấy can tân 辛 nuôi dưỡng gân. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ của 肉 bộ lực 力, từ bộ nhục 肉, từ bộ trúc 竹. Trúc đó 竹 là phần nhiều của vật, từ bộ lực 力, lực giống như sức mạnh của cân 筋, gân. Trong kinh viết từ bộ thảo 草 viết cân 筋 là gân là sai. Ngược lại âm dưới là dục bá 育伯. Văn thường hay dùng và

sách Chu Lễ cho rằng: Lấy chất mặn nuôi dưỡng mạch. Thuyết Văn cho rằng: Phân huyết lý đi trong cơ thể gọi là Mạch. Chữ viết từ bộ huyết 血 đến bộ 脈 mai, viết là mạch, 脈 hoặc viết là 脈 đều là chữ chánh thể.

Cốt tủy 骨, Ngược lại âm tuy thúc 綏涑. Chữ thống nhất lại gọi là Chất mỡ ở trong xương. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ 骨 đến bộ tủy thanh tỉnh 省. Âm trên từ bộ cốt 骨 đến bộ nhục 肉.

Tâm can 心肝. Bạch Hổ Thông cho rằng: Tâm (心) đó là thể, ở phương Nam gọi là tinh của hỏa, giống như màu của lửa đỏ, nhạy bén mà có mùi, nhánh, nhưng chữ có phối bày ra được. Như hoa sen chứa nở, Hình Vương Thúc và Mạch Kinh cho rằng: Tâm (心) cùng với Tiểu trường, Đại trường hợp lại là m phủ. Tim này chứa thần, tim cũng từ cổ họng phát ra. Cho nên khi tim (âm) bị bệnh thì mất đi âm thanh, không thể nói ra lời được. Thuyết Văn cho rằng: Chữ tượng hình. Ngược lại âm dưới là cổ an 古安. Bạch Hổ Thông nói rằng: Can (肝) là lòng nhân. Ở phương Đông cho rằng: tinh của mộc 木. Lòng nhân khéo sanh ra giống như mộc 木, mà có lá màu xanh. Vương Thúc Hòa cho rằng: Can và Đả (mật) hợp lại thành phủ, can, thần, hồn. Can ở trong mắt, cho nên can nóng thì mắt đỏ, mờ không thấy vật. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh can 干. Âm nhuệ 銳, ngược lại âm duật tuệ 聿惠. Âm biện 瓣 ngược lại âm bạch mạn 白慢.

Phế Thận 肺 腎. Âm trên là phương phế 芳 廢. Bạch Hổ Thông cho rằng: Nghĩa của 肺 phế là , tinh của kim thuộc phương Tây, giống như màu vàng. Bạch Vương Thúc và Mạch Kinh cho rằng: Phế và bàng quang hợp lại thành phủ tạng. Phế này thuộc thần phách, thông với mũi, cho nên phế bị bệnh thì mũi không ngửi được mùi thơm, hôi. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh di 夷. Âm di 夷 ngược lại âm phì vị 肥 味. Ngược lại âm dưới là thần nhẫn 臣 忍. Bạch Hổ Thông cho rằng: Thận là trí tuệ. Tinh của thủy, thuộc phương Bắc, màu đen, phế thuộc âm. Ngẫu Mạch Kinh cho rằng: Thận và tam tiêu hợp lại thành phủ tạng, thuộc “chí thần”, thông ở tai cho nên thận hư thì tai không nghe được (tai điếc). Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh thần, Âm thần ngược lại âm khải huyền 啟 紘. Âm ngẫu 偶 ngược lại âm ngũ cẩu 五 苟.

Tì Đả 脾 膽. Ngược lại âm trên là . Bạch Hổ Thông cho rằng: Tì (脾) là tin niềm tin. Tinh của thổ 土 thuộc Trung ương, giống như màu của thổ (đất). Huỳnh Mạch Kinh cho rằng: Tì (脾) và vị (胃) hợp lại thành phủ tạng, thuộc về “Thần ý”. Thông nơi lưỡi, cho nên tì bị nhiệt nóng thì lưỡi sẽ bị bệnh, môi cũng không thể nhận các vật được. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh tì. Ngược lại âm dưới là đáp cảm 答 敢. Bạch Hổ Thông cho rằng: Đả là phủ của can, là chủ nhân, dùng nhân đó là m sức mạnh. Vương Thúc và Mạch Kinh cho rằng: Đả bị bệnh thì tinh thần không thể giữ được. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh đả. Âm đả ngược lại âm chỉ kiêm 止 兼.

Phao vị 脬 胃. Âm trên là phổ bao 普 包. Khảo Thanh cho rằng: Vùng bọng đái khí niệu tiểu tiện thạch quang, thọ nhận chín thăng ba hợp bàng quang chuyển, tức là tiểu tiện không thông. Thuyết Văn nói dụng cụ chứa nước trong bàng quang. Chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh nhũ, 省 tỉnh. Trong văn kinh viết 脬 bao này là chẳng đúng. Ngược lại âm dưới là vị úy 韋 喂. Bạch Hổ Thông cho rằng: Vị (胃) là bao tử, chỗ ủy thác chứa các loại ngũ cốc. Vận Anh Tập cho rằng: Vị là cái bụng chứa. Thuyết Văn cho rằng: Vị là phủ chứa ngũ cốc. Chữ viết từ bộ nhục 肉 là chữ tượng hình.

Thử Niệu 尿 尿. Âm trên là thử 始. Chữ chỉ ý nghĩa là phân cứt. Trong kinh văn viết từ bộ mễ 米 cùng là văn thông dụng. Thuyết Văn chữ viết từ bộ vĩ 尾, thanh thử 矢. Ngược lại âm dưới là nê điều 泥 弔. Khảo Thanh cho rằng: Nước trong bụng. Thuyết Văn nói viết từ bộ vĩ 尾 đến bộ thủy. Trong văn kinh viết từ bộ 尸 thì là sai, viết lược bớt. Điều là chữ hình thanh.

Thế Thóa 涕唾 Ngược lại âm trên là 拷 清 Khảo Thanh cho là nước mắt, mắt khóc chảy nước ra. Mao Thi Truyện cũng cho rằng: Từ trong mắt xuất nước chảy ra. Ngược lại âm dưới là thổ khóa 土 諸. Thuyết Văn cho là Nước dãi trong miệng. Chữ viết từ bộ 口 đến bộ thóa thanh tỉnh 省, hoặc viết từ thóa này cũng đồng nghĩa.

Tiên lệ (涎 淚). Ngược lại âm trên là dĩ tiên 以 仙. Thuyết Văn cho là nước dãi trong miệng. Ngược lại âm dưới luật đọa 律 隙. Quảng Nhã cho rằng: Khóc ra nước mắt. Thuyết Văn cho rằng: Cũng là khóc chảy nước mắt. Chữ viết từ bộ thủy thanh lệ 戾, âm lệ 戾 ngược với âm lịch đệ 歷 弟.

Cấu Hãn (垢 汗). Ngược lại âm trên là cổ hậu 古 后. Ngược lại âm dưới hàn đán 寒 旦.

Đàm nùng (痰 膿). Ngược lại âm trên cảm cam 敢 甘. Khảo Thanh cho rằng: Bệnh trong phổi có nước. Trong Thuyết Văn nói là chẳng đúng: Đàm trong phổi. Ngược lại âm dưới là nô công 奴 公. Gọi là máu mũ đỏ chảy ra.

Phương San (肪 嫻). Ngược lại âm trên là phương 方. Âm dưới là tăng an 搯 安. Vận Anh Tập cho rằng: Ngưng đọng thành mỡ. Văn thông dụng cho rằng: mỡ ngang eo lưng bụng gọi là phương 肪. Mỡ trong bao tử gọi là san. Đều là chữ tượng hình.

Não mạc (腦 膜). Ngược lại âm trên là nãi đáo 乃 到. Thuyết Văn cho rằng: Não (腦) là tủy trong đầu. Chữ viết từ bộ nhục 肉, thanh não. Cũng có chỗ viết não 腦, hoặc là viết 腦 này đều chẳng đúng. Âm não 瑙 đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới là mạc 莫, tóm lại cho rằng: Da ở bên trong huyết não, ngoài gọi là mạc 膜 (tức là màng não). Thuyết Văn nói rằng: Xương ở giữa thịt ngoài là màng. Âm hài 骸 ngược lại âm cổ ai 古 哀.

Si ninh (眇 寧). Ngược lại âm trên là si chi 眇 支. Vận Anh Tập cho rằng: Ghèn trong khéo mắt. Trong văn kinh viết si này là chẳng đúng. Kiểm lại các chữ trong sách đều không có chữ si này. Thuyết Văn cho là Mắt bị thương tích, bị khoét mắt. Chữ viết từ bộ mục thanh tỉnh di 省 移. Âm tí 眇 ngược lại âm tỳ tứ 疵 賜. Ngược lại âm dưới ninh đình (寧 亭) là chữ tượng thanh. Theo Văn Tự Tập Lược cho rằng: Lỗ tai bị bệnh, trong lỗ tai dơ. Chữ chánh xưa nay cho rằng: Từ bộ 耳, thanh ninh 寧.

Xú vật (殞 物). Ngược lại âm xương huynh (唱 兄). Khảo Thanh cho rằng: Mùi rất hôi thối. Thuyết Văn nói rằng: Loại cầm thú chạy mà biết dấu chân của nó. Nói rằng con chó tự biết mùi của nó. Xưa viết

ty 畀 là mũi ngữ. Chữ viết từ bộ tự 自 đến bộ khuyển 犬, hoặc ngược lại viết xú 殍. Trong văn kinh viết từ chữ tử 死 viết chữ này đều chẳng đúng, vì không có chữ này.

Bảo ngoạn 寶玩. Ngược lại âm ngũ quán 五灌. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Ngoạn (玩) là vật là m trò bốn cột vui đùa. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ vương 王 đến bộ nguyên 元 thanh tỉnh 省.

Đam trước (耽著). Ngược lại âm trên là (答南) đáp nam. Vận Anh Tập cho rằng: Đam (耽) là tốt đẹp. Khảo Thanh cho rằng: Trêu đùa, quen nhờn. Chữ viết từ bộ thân 身 đến chữ đam 耽, thanh tỉnh 省. Âm đam 耽 đồng với âm trên.

Đảm Phạ 擔怕. Ngược lại âm trên là đảm lam 啖藍. Âm dưới là phổ bá 普百. Hoài Nam Tử cho rằng: Đảm 擔 là đầy đủ. phạ 怕 là yên tỉnh. Trong văn kinh viết từ bộ thủy viết thành chữ đảm phạ 淡怕 đều chẳng phải, giải thích nghĩa khác đi. chữ chánh xưa nay cho rằng: Viết 擔怕 đảm phạ hai chữ đều từ bộ tâm 心, là chữ hình thanh. Bì Xuyên; ngược lại là hương duyên, Khảo Thanh nói là huyết Thuyết Văn giải thích xuyên qua ở trong lỗ.

Điều Thứu (鵬鷲). Ngược lại âm trên là đỉnh điều 丁遙. Mục Thiên Tử Truyện cho rằng: Ở trên núi Xuân có loài bạch điểu, loại chim này lông màu xanh gọi là chim điều tức là con điều hâu, nó có thể ăn thịt dê chó, giống như con nai. Quách Phác cho rằng: Nay điều hâu cũng có thể ăn thịt nai. Thuyết Văn cho là Chim điều tức chim Đại bàng. Chữ viết từ bộ điểu 鳥 thanh điều 彫. Ngược lại âm dưới là 就 tự. Theo kinh Sơn Hải cho rằng: Ở trên núi cao có rất nhiều chim Thứu. Chữ trong sách viết từ bộ điểu 鳥 thanh 就 tự âm bàng. Ngược lại âm đồ quan 徒官.

Ô Thước (烏鵲). Ngược lại âm trên là ô cô 鳴姑. Thuyết Văn cho rằng: Con chim Hiếu. Ngược lại âm dưới là thất thước 七雀. Biết chỗ ở của Thái Tuế, Bác Vật Chí gọi là ổ của chim sẻ. Khi mở cửa ra thường thấy trên lưng hai chữ Thái Tuế. Đây chẳng phải tài trí nhậm vận mà là tự nhiên. Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ tượng hình.

Xi Kiêu (鷗臯). Ngược lại âm trên là xỉ chi 齒之. Trụ văn viết chữ xi 鷗. Thuyết Văn nói hoặc viết từ bộ chuy 隹 đến bộ si 鷗. 鷗 si thùy, đều là chim điều hâu. Sách Lễ Ký cho rằng: Trước có bụi trần vì con chim điều hâu mang đến thì có gió nổi lên. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thị 氏 viết thành xi âm khai nguyên 開元. Nghĩa theo thiên 千 viết là thiên, đều là âm duyên 緣. Ngược lại âm dưới là hiêu diêu 曉姚. Trịnh

Tiền chú giải trong Mao Thi Truyện rằng: Con chim có tiếng kêu ác. Thuyết Văn cho là Kiêu 梟 là con chim bất hiếu. Theo chữ viết từ bộ điểu 鳥, ở trên đầu lại viết bộ mộc 木, là Chữ tượng hình. Văn thường dùng gọi là con chim ăn thịt mẹ, nên gọi là con chim bất hiếu.

Hổ Báo (虎豹). Ngược lại âm trên là hô cổ 呼古. Nhĩ Nhã cho rằng: Con Hổ có đốm trắng và đốm đen. Tiếng địa phương ở đời Trần, Tống gọi là con Lý giao; Giang Nam gọi là Lý Nhĩ. Thuyết Văn gọi là Hổ, là đầu đàn của loài cầm thú trên núi, chân giống như chân người. Cho nên người ta cho rằng chữ tượng hình mà cũng là chữ hình thanh. Âm cam là âm hàm 含. Âm điều ngược lại âm hổ 虎. Ngược lại âm dưới là bao giáo 包教. Thuyết Văn cho rằng: Giống như con Hổ mà tròn có hoa văn đốm đen mà nhỏ hơn con Hổ. Chữ viết từ bộ trĩ 豸 đến bộ bao 包 thanh tỉnh 省. Trĩ (豸) là âm truy.

Hồ Lang (狐狼). Ngược lại âm trên là (何姑) hà cô. Thuyết Văn nói rằng: Con yêu thú. Có chỗ thừa nhận là con quỷ mà có ba đức. Trong màu của nó trước nhỏ và sau lớn, khi chết cái đầu rất lớn. Chữ viết từ bộ khuyến 犬 đến cô 孤 thanh tỉnh 省. Chữ cô 孤 từ bộ qua 瓜. Ngược lại âm dưới là lãng đương 朗當. Thuyết Văn nói là tên của con thú, giống như con chó, thường gọi là chó sói, rất lạnh lợi nhạy bén, đầu màu trắng, trán cao. Trước sau đều to lớn. Chữ viết từ bộ khuyến 犬 thanh lương 良, là loài chó ở trong rừng.

Hoặc trác (或啄) âm trác 卓. Thuyết Văn cho rằng: Con chim mổ thức ăn. Chữ viết từ bộ khẩu 口 thanh thỉ 豕. Âm 豕 thỉ ngược lại âm sủu lục 丑錄. Chữ thỉ 豕 tức là chữ thỉ, cộng thêm một nét.

Hoặc quặc (或攫). Ngược lại âm quy lâu 歸簍. Lại âm quy bích 歸碧, cũng thông. Hoài Nam Tử cho rằng: Bắt lấy con chim thì gọi là bác 搏. Bắt con mãnh thú thì gọi là quặc 攫 (vồ lấy, túm lấy). Thương Hiệt cho rằng: Quặc (攫) là bắt lấy. Thuyết Văn nói rằng: Niu lấy, bấu vào. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh quặc. Trong văn kinh viết quặc âm

đồng với âm trên. Chữ trong sách đều không có chữ này, chữ này xuất xứ từ sách nào. Âm quặc 攫 ngược lại âm vương hoạch 王鑊. Âm bác 搏 là âm bác 博, âm tấn ngược lại âm sở cân 所巾. Âm ngược lại âm lung hoạch.

Đảm Xế (擔掣). Ngược lại âm trên là đảm da 但耶. Quảng Nhã cho rằng: Đảm là nắm lấy. Giải thích tên gọi: Đảm là nắm tay lại, là nắm ngón tay đủ đưa ra nắm lại giữ lấy, hoặc viết là đảm 擔 này. Thuyết Văn cũng viết chữ đảm này. Từ bộ thủ 手 thanh đảm. Âm đảm ngược lại âm tạc hà 咋何. Ngược lại âm dưới là xương chế 昌制. Vận

Anh Tập cho rằng: 掣 xế là níu, kéo lại, níu tay lại. Giải thích tên gọi là Xế tức là chế ra, lập ra, định ra, ngăn cấm. Pháp lệnh đã được chế ra. Chữ viết từ bộ thủ 手 thành 制 chế.

Hội lan (潰爛). Ngược lại âm hà ngoại 何外. Thương Hiệt giải thích rằng: Hội (潰) là vỡ hết phần đê. Vận Anh Tập nói là Tán ra. Thuyết Văn nói là Nước lọt vào chảy vào. Chữ viết từ bộ thủy thành 貴.

Trùng Thư (蟲咀). Ngược lại âm 逐融 trực dung. Nhĩ Nhã cho rằng: Có chân gọi là trùng 蟲, không chân gọi là thỉ 豕. Trong văn kinh viết trùng 虫 này là sai, viết lược. Ngược lại âm dưới là thất dư 七余. Nghĩa là con ruồi đậu vào thịt trong có vi trùng (giống như con vôi). Chữ viết từ bộ nhục 肉 đến bộ thư, thành tỉnh 省. Trong văn kinh viết thư 蛆 là văn thường dùng.

Hủ Nhục (腐肉). Ngược lại âm trên là phù phủ (扶甫). Quảng Nhã cho rằng: Hủ là hôi thối. Vận Anh Tập cho rằng: Hủ là mục nát. Thuyết Văn nói rằng: Thối nát, nhừ, vụng. Chữ viết từ bộ nhục 肉 thành phủ 府.

Cốt Tỏa (骨) Ngược lại âm 蘇果 tô quả. Quảng Nhã cho rằng: Tỏa là liên kết lại. Chữ trong sách giải thích rằng: Liên hoàn, là vòng tròn. Thuyết Văn nói rằng Cốt Tỏa (骨) là cốt thân của Bồ Tát. Kinh Phật Bản Hành Tập cho rằng: Lóng xương của phàm phu được nối kết lại với nhau là sức mạnh chóng đỡ. Lóng xương của Bồ-tát đều câu móc lại với nhau, tiếp nối với nhau giống như dây cương con ngựa, tương tự như cây trúc mà thành trụ, rộng lớn, bền chắc. Thuyết Văn cho rằng: Chữ tỏa từ bộ ngọc 玉 thành tỏa. Âm tỏa đồng với âm trên. Từ bộ 小 tiểu đến bộ 貝 bối. Trong kinh viết tỏa này là chẳng đúng.

Hạo Bạch (皓白). Ngược lại âm hào cáo 毫告. Vận Anh Tập cho rằng: Hạo là nguyên tố trắng, lụa trắng. Nhĩ Nhã cho là Màu trắng. Thuyết Văn cho là Chữ hạo từ bộ bạch 白 đến bộ hạo 浩 thành tỉnh 省. Trong kinh cho là chữ thường dùng.

Kha Bối (珂貝). Ngược lại âm khả hà 可何, là loại khoáng thạch, loại ngọc hạng kém. Tỳ Thương cho rằng: Kha (珂) là loại Mã não, hoặc gọi là Khuyết bạch, trắng như tuyết. Cho nên dùng dây da đeo vào cổ con ngựa. Chữ bối 貝 nghĩa là con ốc sên. Một tên gọi khác nữa là châu của răng. Nay lấy màu trắng là m ví dụ.

Linh Lạc (零落). Ngược lại âm lịch đình 歷丁. Ngược lại âm dưới là lang các 郎各. Bốn văn viết từ bộ thảo 草. Trong văn kinh viết từ hai điểm trở xuống. Ngược lại âm dưới viết lạc 落 là chẳng đúng, chữ trong

nghĩa của kinh dùng.

Nhuyễn Cốt (𩑦骨). Ngược lại âm thời nhuyễn 時奕, hoặc là trác 琢. Trước quyển thứ nhất ở đã giải thích rồi.

Tiết Cốt (楔骨). Ngược lại âm khảng dật 肯逸. Trong văn 膝 tất kinh viết, cũng là văn thông dụng. Nghĩa là đầu gối. Chữ chánh thể từ bộ tiết 𠄎, âm tiết 𠄎 là âm tiết 節.

Bễ Cốt (髀骨). Ngược lại âm tỳ mễ 毘米. Trong văn kinh viết bễ nầy, văn thường dùng là chảng đúng (nghĩa xương đùi).

Khoan Cốt (髑骨). Ngược lại âm khổ quan 苦官. Bì Thương giải thích rằng: Xương sống ở mông đít (xương khu). Thuyết Văn cho rằng: Xương đười trên. Chữ viết từ bộ cốt 骨 thanh khoan 寬.

Tích Cốt 脊骨. Ngược lại âm trên 精亦 tinh diệc. Khảo Thanh cho là Xương sống. Sách Tập Huấn cũng giải thích là xương sống. Tự Thư cho rằng: Xương sau lưng. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ tích 𠄎 là chữ tượng hình.

Hiệp Cốt (荔骨). Ngược lại âm hương diệp 香葉. Hoặc là viết hiệp 脅. Từ ba bộ lực 力 đến bộ nhục 肉. Chữ viết từ ba bộ lực 力 là sai.

Bác Cốt (髀骨). Âm bác 博.

Hàm Cốt (頤骨). Ngược lại âm hồ cảm 胡感. Xương gò má. Giáp Cốt (頰骨). Ngược lại âm kiêm nghiệp 兼業 (xương gò má).

Hài Cốt (骸骨). Ngược lại âm hà giai 遐皆.

Sương Phong (霜封). Ngược lại âm phong cống 風貢. Vận Anh Tập cho rằng: Đóng kín lại, cũng gọi là cố chấp, cũng gọi là đóng băng lại.

Cáp Sắc (鶻色). Ngược lại âm cam ma 甘麼. Cái xương màu xanh ngọc bích.

Toái mạt (碎末). Ngược lại âm trên là tô đối (蘇對). Khảo Thanh cho rằng: Đập nát, vỡ vụn tảo nát ra. Quảng Nhã cho rằng: Cái kho chứa thóc. Vận Anh Tập cho rằng: Nhỏ nhặt, vụn vặt. Chữ trong sách viết là toái 碎. Thuyết Văn cho rằng: Túy là thuần nhất tinh túy. Chữ viết từ bộ thạch 石 đến bộ toái thanh tỉnh 省. Âm túy là âm mi 眉, âm toái ngược lại âm thôi đối 崔對.

Sách Lệ (策勵). Ngược lại âm lực chế 力制. Vận Anh Tập cho rằng: Lệ 勵 là gắng sức. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ lực 力 thanh lệ 厲.

Duy Tứ (唯伺). Ngược lại âm ty tự 司字. nghĩa là hầu hạ.

Thứ Âm Phạm Văn (次音梵文). Kinh này có ba mươi hai chữ âm

Phạm đọc có nặng có nhẹ mà khác nhau, không đồng. Vì văn chữ của nước này khó đọc, là đối địch nhau. Chỗ thông đạt giữa tiếng Phạm và tiếng Hán hai nước, văn tự phải vận thanh âm cho khéo mới có thể xem xét ở tai nghe. Nay vì hai thanh vận trùng lặp trái ngược với nhau, tức là cùng âm Phạm trái, mất, không phải âm phiên thiết, nên nói là sai, rồi cuộc là không đúng với âm Phạm.

Ai (哀). Ngược lại âm a khả 阿可.

Lạc (洛) chữ 洛 ở đây cùng với âm Phạm không có tương đương nên trong sách viết chữ La 囉, thượng thanh. Nay chuyển lưỡi đọc là như.

Bá 簸 Ngược lại âm ba khả 波可. Nghĩa là đúng như.

Giả 者. Ở nước Thiên-trúc tiếng Phạm gọi là Trung biên 中邊, có khác hơn gọi là trung thiên 中天. Âm tả 左 đọc nhẹ một chút là đúng ở bắc Thiên-trúc. Âm giả 者, Lỗ Chất cho rằng không đúng. Nay lấy âm ở trung Thiên-trúc, nên chữ trong sách là Tả 左, ngược lại âm tắc khả 則可.

Nã 娜 Chữ này âm Phạm có thanh mũi, nên trong sách viết nặng 曩. Lấy thượng thanh, bao gồm âm mũi, tức là đã như trên. Năm chữ đúng, nghĩa là năm cái búi tóc. Năm chữ này là chân ngôn của ngài Văn-thù.

Khả 可 Ngược lại âm lạc khả 勒可.

Đà (柁). Chữ này xa với âm Phạm, nên trong sách viết na 娜. Ngược lại âm na khả 那可.

Bà 婆 Chữ này cùng với âm không tương đương, nên trong sách viết ma 麼 ngược lại âm mạc khả 莫可.

Trà (茶) chữ này cùng trái mất âm nên trong sách viết chữ nã 拿. Ngược lại âm nã nhã 拿雅. Chữ nã thì đúng âm.

Kiều 檣 (橋 穢). Hai chữ này chẳng phải là chữ Phạm, ngược lại chữ trên là âm cư yêu 居夭. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Kiêu 橋 là đối trá. Thuyết Văn nói là đối trá, lừa gạt. Trong văn kinh chữ 矢 thành chữ kiêu là văn thông dụng.

Sa (沙) thượng thanh, tức là .

Phước (縛). Ngược lại âm vô khả 無可, hoặc có cộng thêm bộ 口 viết là phước là đúng âm Phạm.

Đa 多 Ngược lại âm đa khả 多可.

Dã Tự (也 字) Chữ này là đúng, tương đương với chữ Phạm.

Sất Trá (瑟 吒). Nhị hợp, âm dưới là trá 吒 lấy thượng thanh. Gọi hai chữ là hợp là thanh dưới tên là nhị hợp.

Ca (迦). Ngược lại âm cư khứ 居去.

Sa (娑). Ngược lại âm tăng khả 桑可.

Ma (磨). Ngược lại âm mạc khả 莫可. Bao gồm có âm mũi.

Già (伽). Ngược lại âm cường hà 強何, âm này là khứ thanh.

Tha (他). Ngược lại âm tha khả 他可.

Xà (禡). Ngược lại âm thị giá 是遮. Cũng là âm ở Bắc Thiên-trúc. Âm 旨 chỉ nếu lấy âm ở Trung Thiên-trúc, thì âm Phạm có thể gọi là giả 者. Ngược lại âm từ khả 慈可, Âm khả ngược lại âm lặc khả 勒可.

Thấp Phục (溼縛). Ngược lại âm trên là thi nhập 尸入. Ngược lại âm dưới là vô khả 無可, hai chữ này hiệp lại thành một thanh.

Đạt (達). Chữ này cùng với âm Phạm lạ, hợp dùng chữ đà 馱 ngược lại âm 唐賀 đường hạ.

Xả (捨) cũng tương đương với âm Phạm.

Khư (厶) Lấy thượng thanh, gọi tức là phải như.

Sản (麤). Ngược lại âm sách giản 策簡. Là chữ nhị hợp. Trong sách cũng có thể viết ngật sản, hai chữ hợp lại thành một thanh.

Tát-Đa (薩多) Hai chữ hợp lại. Ngược lại âm dưới là đa khả 多可. Hai chữ hợp lại thành một thanh.

Nhã Ngược lại âm nhi giả 而者. Chữ Phạm là nhị hợp, cũng có thể trong sách viết chỉ nương 枳娘, là hai chữ hợp lại, lấy chữ nương là thượng thanh.

Lạt Tha (辣他). Ngược lại âm trên là lang cát 郎葛. Nhị hợp âm Phạm, có chuyển lưỡi đọc, cũng có thể trong sách viết la tha 囉他. Là hai chữ hợp lại thành một thanh.

Kha (呵). Ngược lại âm hô a 呼阿. là chuẩn xứ số. Bốn tiếng Phạm không có chữ kha 呵 này.

Bạc (薄). Ngược lại âm bàng mạc 傍莫. Rất lạ, chữ Phạm là chữ 婆 bà thanh khứ. Ngược lại âm bà hạ 婆賀. Hoặc trong sách viết chữ Bà cũng là thông dụng.

Xước (綽). Ngược lại âm xương ước 昌約, cũng rất trái ngược. âm Phạm đúng ra tương đương với chữ sa. Ngược lại âm thác khả 錯可. Tức là chữ tha 蹉, thượng thanh, nghĩa là ngã, vấp té.

Táp Ma 颯磨. Ngược lại âm trên là tô hợp 蘇合. Âm dưới lấy chữ ma 磨, thượng thanh. Bao gồm có âm mũi, âm Phạm cũng là nhị hợp.

Hạp phục (嗑縛). Âm trên là hợp 合, ngược lại âm dưới là vô khả 無可, cũng là hai âm hợp thành một thanh.

Tha (蹉). Ngược lại âm thương khả 倉可. Lấy thượng thanh.

Kiến (鍵). Ngược lại âm cử sản 渠產, hoặc trong sách viết chữ kiện 健 này cũng thông dụng.

Sĩ Trong truyện viết sai không thành chữ âm Phạm, chữ đúng phải là chữ sá 侘, thượng thanh. Ngược lại âm sách giả 坼賈. Âm 侘 sá, ngược lại âm lặc già 勒伽. Âm sách 坼 ngược lại âm lặc cách 勒革.

Nã (拿) Ngược lại âm ninh nha 擲呀. Không phiên thiết nên lấy thượng thanh, hoặc trong sách viết chữ () bao gồm âm mũi. Ngược lại âm nô nhã 奴雅.

Pha (頗). Ngược lại âm phổ ngã 普我, đúng âm tương đương.

Tắc-Ca (塞迦). Âm dưới là 迦 ca. Ngược lại âm khương khư. Lấy âm khư dùng thượng thanh.

Dật Bà 逸婆. Chữ 婆 bà lấy âm thượng thanh, nhị hợp, hoặc là trong sách viết là dã bà 野婆.

Chước (酌). Ngược lại âm chi dước 之藥, rất trái với âm Phạm. Chữ đúng âm Phạm là thất giả 室者. Âm nhị hợp, hai chữ hợp lại thành một thanh.

Trá (吒). Ngược lại âm trích da 摘(加). Nay lấy thượng thanh. Cũng có thể trong sách viết mâu 繆. Ngược lại âm trích giả 摘賈 là đúng âm.

Trạch 擇. Âm 宅 trạch. Chữ này cùng với âm Phạm cũng quá lạ, nên trong sách viết trà 搽, lấy thượng thanh. Âm 宅 trạch ngược lại âm trạch giả 宅賈, là đúng âm. Từ đây về sau không phải chữ Phạm nữa.

Sở Thuyên (所詮). Ngược lại âm 取全 thủ toàn. Khảo Thanh cho là thứ lớp rõ ràng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Có thứ lớp, kế tiếp theo. Tự Thư giải thích rằng: Bình bằng, ngang bằng, cũng gọi là chứng cố, bằng cố, có bằng chứng rõ ràng. Thuyết Văn cho là Cân nhắc dẫn đo. Chữ viết từ bộ ngôn 言 thanh toàn 全.

Tu Trị (修治) Âm dưới là lý 里. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Là sửa đổi pháp luật, điều chỉnh. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Là chính trị. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thủy thanh đài 台. Ngược lại âm trì 持 cũng là thông dụng.

Ý Lạc (意樂). Ngược lại âm ngũ giáo 五教.

Hiển Túc (獻足). Ngược lại âm y hãm 伊餽.

Yếm quỵện 厭倦 ngược lại âm y lan 伊爛.

A-Luyện-Nhã (阿練菩) Tiếng Phạm, cúng gọi là A-Lan- nhã 阿蘭菩. Hán dịch là nơi vắng lặng.

Đỗ Đa (杜多) là tiếng Phạm. Xưa gọi là 頭陀. Nghĩa là mười hai hạnh khổ, đầy đủ như trong bốn kinh đã nói.

Cố Luyến (顧戀). Ngược lại âm lực quyển 力卷. Ngược lại âm công ngộ 公悟.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 54

Mạn Ngạo (慢傲). Ngược lại âm ngũ cáo 五告. Đổ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Ngạo là không cung kính. Quảng Nhã cho rằng: khuấy động, buông trôi. Thuyết Văn nói rằng: Ngạo mạn. Chữ viết từ bộ nhân 人 thanh ngạo. Âm cứ 倨 là âm 據 cứ, âm ngạo ngược lại âm ngũ cao 五高.

Yếm thích (厭感). Ngược lại âm thanh diệc 青亦. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Thích (感) là đau khổ. Trịnh Huyền chú giải sách Luận Ngữ rằng: Lo buồn sợ hãi. Thuyết Văn cho rằng: Lo buồn. Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh thích 戚, âm thích đồng với âm trên, từ bộ mậu 戊 thanh thúc, âm mậu 戊, ngược lại âm vu nguyệt 于月. Âm thúc là âm thúc 叔.

Dược-Xoa (藥叉). Tiếng Phạm, là nơi ở của chúng Quỷ Thần. Thuộ bộ phương Bắc gọi là Thiên Vương Tỳ-Sa-môn, ủng hộ cõi chúng sanh. Thiện thần, hoặc là ở các chỗ núi non.

Kiên Đạt Phược (健達縛). Là Tiếng Phạm, tên của vị trời. Hán dịch là tầm hương. Âm nghĩa quyển trước đã giải thích đầy đủ. Đúng âm Phạm gọi là Hiến-Đạt-La-Phược 嚧達囉縛. Ngược lại âm vô khả 無可. Âm 嚧 hiến ngược lại âm ngữ kiến 魚蹇.

A-Tố-Lạc (阿素洛). Hán dịch là Phi Thiên. Xưa dịch là Thần không uống rượu, thường tranh hơn về sức mạnh với cõi trời ba mươi ba, phụ trách gánh vác một cách khác nhau, nên gọi là Phi Thiên. Lại có vị Thần lớn là Thông Huyền, năng lực to lớn, hiện thân cao to, tự tại vô ngại.

Biện Thuyết (辯說). Ngược lại âm trên là bì miễn 皮免. Quảng Nhã cho rằng: Biện là trí tuệ. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ ngôn 言.

Biện (辦). Ngược lại âm trên là bạch mạn 白慢. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Sắp xếp, đều hành công việc. Thuyết Văn nói cho là Phán đoán, chia cắt. Chữ viết từ bộ lực 力, thanh biện 辨, âm biện đồng với âm trên.

Vong Báo 忘報. Ngược lại âm trên là võng phương 网方. Âm dưới là bảo mạo 保冒. Thuyết Văn cho rằng: Chữ báo 報 từ chữ phục võng 伏网. Đến chữ 冫 tiết đến bộ 又 hựu, âm phục 伏 là âm 伏 phục, âm tiết là âm tiết 節.

Bát Thù (不酬). Ngược lại âm thời chu 時周, là văn thường dùng. Sách Nhĩ Nhã cho: là báo thù. Thuyết Văn nói viết chữ thù 酬 từ

bộ dậu 酉 thanh thọ 壽.

Cơ hiềm (譏嫌). Ngược lại âm trên là cư y 居衣, Quảng Nhã cho rằng: Cơ là khuyên can, dùng lời nói để sửa cho người đứng đắn. Khảo Thanh cho rằng: Khiển trách, quở trách, chỉ trích, giễu cợt. Thuyết Văn nói cho là Chê bai. Chữ viết từ bộ ngôn 言 thanh cơ 幾. Ngược lại âm dưới là hình kiêm 形兼. Khảo Thanh cho rằng: tâm Ác. Thuyết Văn cho rằng: 疑 nghi ngờ, tâm không bình đẳng. Chữ viết từ bộ nữ 女 thanh kiêm 兼. Âm khiển 譴 ngược lại âm xí kiến 企見.

Thường Dự 常預. Ngược lại âm 羊據 dương cứ. Bì Thương cho rằng: Dự là an ổn, vui vẻ.

(Quyển 55, 56 hai quyển này đều không có âm giải thích.)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 57

Đoạn Dĩ (斷已). Âm trên là đoạn 段, âm dưới là dĩ 以.

Tử Phiêu (紫縹). Ngược lại âm tư thử 茲此. Thuyết Văn cho rằng: Mảnh lụa màu trắng xanh, màu tím đỏ. Chữ viết từ bộ mịch 糸 thanh thử 此. Ngược lại âm dưới là phiêu miểu 漂眇. Thuyết Văn nói rằng: Tấm vải lụa màu trắng xanh. Chữ viết từ bộ mịch 糸 thanh phiêu. Âm mịch 糸 là âm mịch 覓. Âm phiêu là âm tất điều 必遙.

(Kinh từ quyển 58 đến quyển 74 gồm trăm mười bảy văn kinh để hiểu không có âm nghĩa giải thích.)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 75

Vấn Cật (問詰). Ngược lại âm xí dật 企逸. Thượng Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Vấn (問) là hỏi tội. Quảng Nhã cho là Trách phạt. Thuyết Văn nói rằng: Vấn là hỏi. Chữ viết từ bộ ngôn 言, thanh cát tình (吉省).

Tha ác 他惡. Ngược lại âm ô các 烏各. Khổng An Quốc chú giải sách Thương Thư rằng: Xấu ác, hẹp hòi, ích kỷ. Thuyết Văn cho là Ác tâm, tội lỗi. Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh á 亞. Trong văn kinh viết từ bộ

tây 西 viết thành chữ ác 惡 là sai. Âm á 亞 ngược lại âm ô giá 烏嫁.

Quyết Trạch (決擇). Ngược lại âm trên là tế duyệt 祭悅. Khảo Thanh cho rằng: Quyết đoán thẳng, ngay lập tức. Thuyết Văn nói cho là Nước đang chảy. Chữ viết từ bộ thủy thanh quyết 夬. Ngược lại âm trên là trì cách 持格. Thuyết Văn nói là Tuyển chọn. Chữ viết từ bộ thủ 手.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 76

Cực Dũng (極踴). Ngược lại âm cự ức 汴億. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Cực (極) là hết, là tận cùng. Trong Mao Thi Truyện cho là đến hết rồi. Quách Phác chú giải Nhĩ Nhã rằng: Rất xa. Quảng Nhã cho là rất cao. Thuyết Văn nói là Từ bộ thủy thanh cực. Trong văn kinh viết từ bộ thủ 手 là chẳng đúng. Âm cực ngược lại âm căng lực 矜力. Ngược lại âm dưới là dung thũng 容腫. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Dũng (踴) là nhảy lên, vượt lên. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Là ở trên cao. Thuyết Văn nói viết chữ dũng 蛹 này, chữ trong sách viết dũng (勇) từ bộ túc 足 thanh dũng 勇.

Cực Kích (極擊). Ngược lại âm kinh lịch 經歷. Giai Quế Uyển Tông giải thích rằng: Kích (擊) là đánh. Khảo Thanh cho là công kích, đánh phá. Thuyết Văn nói cho là đánh. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh kích, âm kích đồng với âm trên. Âm phộc 卜 lại viết âm phộc này, ngược lại âm phổ bốc 普卜.

Cực Bạo (極爆). Ngược lại âm bao mạo 苞貌. Sách Nhĩ Nhã cho là lá rụng nhiều. Thuyết Văn nói cho là hun đốt. Chữ viết từ bộ hỏa thanh bạo 暴, Chữ bạo 暴 từ bộ xuất 出 đến chữ củng 卅 đến bộ bao, âm bao ngược lại là âm thao 滔.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 77

Hy Hách (曦赫). Ngược lại âm hỷ ỷ 喜倚. Vận Thuyên Tập giải thích rằng: Ánh mặt trời vừa mọc lúc sáng sớm. Trong Tự Thư là Ánh sáng tròn đầy. Thuyết Văn cho là Ánh nắng ban mai, sắc khí trong là nh. Chữ viết từ bộ hê 兮 nhật 日 thanh nghĩa 義. Trong văn kinh viết từ bộ hỏa là chẳng đúng, hoặc viết hy 晞 này cũng đồng nghĩa.

Tế Chư (蔽諸). Ngược lại âm trên ty duệ 卑袂. Quảng Nhã cho rằng: Tế (蔽) là ẩn giấu, che đậy. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tế là bị chướng ngại. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thảo 草 thanh tế 蔽. Âm tế ngược lại âm ty duệ 毘袂.

Kiều Thi Ca (僑尸迦) khương yêu 薑妖. Ngược lại âm dưới là cương khư. Tiếng Phạm, tức tên khác của Thiên Chủ.

Hạn Cách (限隔). Ngược lại âm canh ngạch 耕額. Quảng Nhã cho là giới hạn. Thuyết Văn nói là Ngăn cách, chướng ngại. Chữ viết từ bộ phụ 阜 thanh cách 隔.

Như Ung (如雍). Ngược lại âm trên là ung hung 癰凶. Thuyết Văn nói rằng: Viết chữ ung nghĩa là thủng sưng lên. Chữ viết từ bộ tật thanh ung 隤. Ngược lại âm nữ ách 女厄.

Như Sang (如瘡). Ngược lại âm sở trang 楚莊. Văn thường dùng và Văn Ngọc Thiên cho rằng: Từ bộ qua 戈 đến chữ thương 倉 viết thành chữ sang. Thuyết Văn nói viết chữ sáng 創 viết từ bộ đao 刀, hoặc viết từ bộ chữ sang 倉. Văn cổ viết sang. Vận Thuyên cho rằng: Nổi mụn nhọt gọi là sang. Vận Anh Tập cho rằng: Sang là nổi đau khổ, là vết thương. Thuyết Văn nói là bị tổn thương. Chữ viết từ bộ đao 刀 thanh sang 倉.

Bức Thiết (逼切). Ngược lại âm bỉ cước 彼曷. Vận Anh Tập nói: là bức bách khó chịu. Thuyết Văn nói là gần. Chữ viết từ bộ xước 辵 thanh, bức, hoặc là viết từ phúc 福 xước 辵 âm sửu. Ngược lại âm sửu lược 丑略. Âm bức ngược lại âm披億 phi ức. Âm dưới là thiết 切 từ bộ thất 七.

Suy Hủ (衰朽). Ngược lại âm suất tuy 率追. Khảo Thanh cho rằng: Suy là yếu ớt, suy nhược, gầy yếu. Vận Anh Tập cho rằng: Tổn thất, giảm bớt, gầy yếu. Thuyết Văn nói rằng: lấy cỏ kết là m áo mưa, là chữ tượng hình. Ngược lại âm dưới là hưu cửu 休九. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Hủ (朽) là mục nát, thối rữa, nhừ ra. Chữ đúng xưa nay viết từ bộ mộc 木 thanh hủ 朽. Ngược lại âm khảo

chi 考之.

Hữu Hoành (有橫). Ngược lại âm hoạch mãnh 獲猛. Khảo Thanh cho rằng: Không thuận lý. Tự Thư cho rằng: Phi lý mà đến, gọi là hoành 橫. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ mộc 木 thanh hoàng 黃.

Hữu Dịch (有疫). Ngược lại âm doanh bích 營壁. Thuyết Văn nói rằng: Người dân đều bị tật bệnh. Chữ viết từ bộ nạch 疒 đến bộ dịch 役 thanh tỉnh 省.

Hữu Lệ (有癘). Ngược lại âm liệt trệ lực đại nhị 列滯力大二. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Bệnh tật khí dịch không ôn hòa. Thuyết Văn nói là loại bệnh ác nghiệt. Chữ viết từ bộ tật 疾 vạn 萬 thanh tỉnh 省.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 78

Tư Nhuận (滋潤). Ngược lại âm trên là tử tư 子思. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tư (滋) là lâu dài. Thiên Thương Hiệt cho là nước tinh dịch. Thuyết Văn nói là Có lợi ích. Chữ viết từ bộ thủy, thanh tư 茲. Ngược lại âm dưới là như thuận 如順. Quảng Nhã cho rằng: Nhuận là ẩm ướt. Thiên Văn Ngọc cho rằng: trang sức bóng láng. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thủy viết thành nhuận 潤 thanh nhuận 閏.

Sung Dật (充溢). Ngược lại âm dư nhất 餘一. Văn Nhĩ Nhã cho rằng: Dật (溢) là tràn ra ngoài, đầy đủ, dư thừa.

An Phủ (安撫). Ngược lại âm phù vũ 孚武. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Phủ (撫) là vỗ về an ủi cũng giống như chữ an 安. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Giữ gìn, giúp đỡ, vỗ về giúp đỡ. Thuyết Văn nói là Dựa theo. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh vô 無.

(Quyển 79, 80 không có âm nghĩa giải thích.)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 81

Thiết Tác (竊作). Ngược lại âm thất kiết 七翹. Khảo Thanh cho rằng: Lấy riêng. Thuyết Văn nói là tự lấy trộm ở trong đưa ra. Chữ viết từ bộ huyết 穴 đến hai bộ thập 十 đến bộ mễ 米 thanh dữ. Nay thuận theo văn thường dùng lược bớt hai bộ thập 十. Âm nhị thập 二十 là âm tật 疾. Âm dữ là âm tiết 薛.

Giải da (解耶). Ngược lại âm trên hài giới 諧介. Ngược lại âm dưới là dĩ già 以遮.

Bí Sô 毖芻. Ngược lại âm trên là tỳ-dật 毘逸. Ngược lại âm dưới là trắc ngu 測虞. Tiếng Phạm, tên một loại cỏ. Pháp sư Tăng Triệu giải thích: Bí sô có bốn nghĩa: Một là thắng đức. Hai là tịnh khát thực. Ba là phá phiền não. Bốn là năng trì giới. Cũng gọi là Bồ ma. Nghĩa là là m cho Ma Vương sợ hãi. Trong văn Phạm gọi là khéo léo, một lời nói bao gồm bốn ý nghĩa, đến nay vẫn còn trong Phạm Thuyết Văn nói đầy đủ ý nghĩa.

Bí-Sô-Ni 毖芻尼. Nghĩa là đồng như trên, là tên gọi chung người nữ xuất gia. Nêu ra có ba thanh rõ ràng. Tức là người Thanh nữ.

Ô-Ba-sách-Ca (烏波索迦). Ngược lại âm trên là ô cổ 烏古. Âm dưới là tán khư 贊祛. là tiếng Phạm, đời Đường dịch là Cận sự nam, có thể phát tâm Bồ Đề, thọ giữ năm giới cấm của người tại gia v.v gần gũi thân cận với các bậc Tỳ-kheo Tăng, vì vậy mà gọi tên.

Ô-Ba-Tư-Ca (烏波斯迦). Cũng là đệ tử Phật, có thể phát tâm Bồ Đề, nghĩa giải ở trước trong có ba loại thanh, trước nói thanh Nam, đây nói là Nữ, tức là người con gái là nh.

Hưởng Thanh (響聲). Ngược lại âm hư lưỡng 虛兩. Khảo Thanh cho rằng: Trong hang núi, tiếng vang vọng lại là ứng thanh, hoặc viết từ chữ âm 音 đến bộ khẩu 口, đến hưởng 向 viết thành chữ hưởng đều đồng nghĩa với âm trên.

Dị giải (易解). Ngược lại âm trên là dĩ trí 以智. Ngược lại âm dưới hài giới 諧介. Âm dưới là chẳng đúng.

Trắc độ (測度). Ngược lại âm sở lực 楚力. Theo sách Chu Lễ giải thích rằng: Trắc là đơn vị trọng lượng trong đo đạc, trắc nghiệm dưới lòng đất. Trịnh Huyền cho là đo lường, đánh giá, phán đoán. Âm dưới ngược lại âm đường lạc 唐洛.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 82

Duy cực (唯極). Ngược lại âm dục thùỳ 翼睢. Giả Quỷ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Duy (唯) là độc nhất, duy nhất. Cố Dã Vương cho rằng: Duy là do, là từ ngữ.

Thực Chúng (植眾). Ngược lại âm thừa chức 承職. Tiếng địa phương cho rằng: Thực là đứng thẳng. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư là sắp bày. Thuyết Văn nói: là cây cột trước cửa nhà. Chữ viết từ bộ mộc 木 thanh trực 直.

(Quyển 83, không có âm giải thích).

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 84

Thủy lục 冰陸. Ngược lại âm lưu trúc 流竹. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: Chỗ đất cao bằng chẳng có nước gọi là lục 陸. Theo Nhĩ Nhã Thuyết Văn nói rằng: Cũng gọi là nơi đất cao, bằng phẳng. Chữ viết từ bộ phục 阜 thanh lục, âm lục đồng với âm trên.

(Từ quyển 85 đến quyển 98 gồm 14 quyển không có âm giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 99

Tiên Bối (仙輩). Ngược lại âm bác muội 博妹. Văn Ngọc Thiên cho rằng: Bối là thứ lớp, lớp người đi trước, cũng gọi là bộ số nhiều. Trong kinh Thái Huyền cho rằng: Bối là loại, chủng loại. Thuyết Văn nói rằng: Trong quân trận phát ra một trăm chiếc xe chổ đi gọi là một bối 輩. Chữ viết đúng chẳng phải từ bộ xa 車. Văn thường dùng viết từ bộ bắc 北 viết thành bối.

Nhữ Tào (汝曹). Trong Hán Thư cho rằng: Bối (輩) là một bọn, một nhóm, một lũ.

Hư không (虛空). Ngược lại âm hứa cư 許居. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ hổ 虍 đến bộ khu 邱, hoặc viết là đều 虛 là văn

cổ, chữ khu là âm 虍 hổ. Trong kinh viết chữ khu này là không thành chữ.

Yểm Nê (掩泥). Ngược lại âm ư kiểm 於檢. Trịnh Tiễn chú giải trong Mao Thi Truyện rằng: Yểm (掩) là che đậy. Tự Thư giải thích rằng: Yểm là đóng kín lại. Tiếng địa phương cho là che giấu, ẩn giấu. Thuyết Văn nói viết từ bộ yểm, cũng có nghĩa là che lấp. Trong Quế Uyển Châu Tông cho rằng: Kiểm duyệt. Chữ viết từ bộ thủ 手 thành yểm 奄.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 100

Liêu tá (僚佐). Ngược lại âm lực điều 力彫. Sách Nhĩ Nhã cho là Quan liêu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Đồng là m quan với nhau gọi là liêu 僚. Trong Tả Thị Truyện gọi là “Liêu”. Ngọc Thiên gọi là người là m quan tới phẩm thứ chín. Vận Anh Tập cho là bạn là m quan với nhau, cũng gọi là trợ giúp. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ nhân 人 thành liêu, hoặc từ bộ miên viết thành chữ liêu 寮 cũng đồng nghĩa.

Lô Vi (蘆葦). Ngược lại âm trên là lỗ đô 魯都. Âm dưới là ũy. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Gia lô nghĩa là loại cỏ lau dùng để là m màn. Quách Cảnh Thuần cho rằng: Lô tức là vi, là bệnh gây ốm ác nghiệt. Cố Dã Vương cho rằng: Vi (葦) là cây lau lớn, loại cỏ lau dùng để lợp nhà. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thảo 草 đến bộ mãnh 𠂔 thành lô 蘆. Chữ vi 葦 cũng là thanh vi 韋. Âm 盧 lô ngược lại âm lỗ đô 魯都. Từ bộ hổ 虍 đến bộ khối, âm khối ngược lại âm khổ ngoại 苦外.

Không Khích (空隙). Ngược lại âm hướng nghịch 鄉逆. Quảng Nhã cho rằng: Khích là lằn nứt hở ra. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ cho là hiềm khích, tranh chấp. Thuyết Văn nói rằng: Vách tường nứt có lỗ hở nhỏ. Chữ viết từ bộ phụ 阜 đến bộ bạch 白 đến bộ tiểu 小. Trong kinh viết từ bộ khòa (窠) viết thành chữ khích là chẳng đúng.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 101

Duy Nhiên (唯然). Ngược lại âm duy quý 唯 癸. Sách Chu Lễ cho rằng: Duy (唯) là ứng từ. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Duy (唯) là cung kính, cũng gọi là vâng, thừa vâng, ừ, là từ để đáp lại. Theo chữ duy tức ngày nay viết là nặc 諾, tức là bằng lòng, chịu.

Thù Khích (讎隙). Ngược lại âm thọ lưu 壽 流. Theo Thanh loại cho rằng: Thù là cừ địch. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Thù là đối địch nhau. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Thù là oán hận, một mối thù ngẫu nhiên. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ ngôn 言 thanh thù. Âm thù đồng với âm trên.

Diễn diệt (殄滅). Ngược lại âm trên là đình điển 亭 典. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Diễn (殄) là hết. Sách Nhĩ Nhã cho là tận diệt. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ ngạt 歹 thanh điển. Trong văn kinh viết từ bộ nhĩ 爾 là sai. Chữ 滅 quyển trước đã giải thích rồi. Âm ngạt 歹 là âm tàn 殘, âm điển ngược lại âm chi nhẫn 之 忍.

Giải đãi (懈怠). Ngược lại âm trên là giới 戒. Âm dưới là đại 代. Giải đãi nghĩa là biếng nhác.

Nhiều loạn (擾亂). Ngược lại âm trên là như chiếu 如 炤. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thủ 手 thanh ưu 憂. Âm ưu ngược lại âm nô cao 奴 高. Trong kinh viết ưu 憂 là chẳng đúng. Ngược lại âm dưới là lạc đoạn 樂 段. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Loạn là trị. Khảo Thanh cho là phiền não, sai lầm, có lỗi. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ ất 乙 thanh loạn. Âm loạn đồng với âm trên. Từ bộ trảo 爪 đến bộ yêu ㄩ 部 quynh hựu. Lý Tư cho rằng: Từ bộ viết 寸 thành chữ loạn. Tóm lại từ bộ phộc viết

thành chữ loạn. Văn thường hay dùng viết loạn. Văn cổ viết là loạn. Âm yêu ㄩ là âm yêu 腰. Âm quynh 垌 ngược lại âm quý 季.

Cật Sách (詰責). Ngược lại âm trên là xí cát (企吉). Âm dưới là tranh cách 爭 革. Thuyết Văn cho là Cầu sự quả trách, cũng gọi là hỏi tội. Chữ viết từ bộ bối 貝 đến bộ sách thanh tỉnh 省. Trong văn kinh viết trách 責 là chữ biến thể, của văn thường dùng.

Vi Cự (違拒). Ngược lại âm trên là chữ vi 韋. Bản đơn viết vi 韋. Thuyết Văn cho là là m trái ngược lại. Chữ viết từ bộ suyễn 舛 thanh khẩu 口. Trong Thạch Kinh viết cộng thêm 辵 bộ sước viết thành chữ vi 違. Âm suyễn 舛 là âm suyễn 喘, âm khẩu 口 là âm vi 韋. Âm sước 辵 ngược lại âm sửu lược 丑 略. Chữ cự 拒 viết từ bộ thủ 手.

Thích Cấm (螫敢). Ngược lại âm trên là 舒 亦 thư diệc. Âm dưới

là 各 khả các, đều thông dụng. Thuyết Văn nói là loài côn trùng đục hại. Chữ viết từ bộ trùng 虫 thanh thích, âm thích ngược lại âm xa-da 賒夜.

Đối trị (對治). Ngược lại âm trên là đô nội 都內. Quảng Nhã cho rằng: Đối (對 là đương thời, cũng là hướng đến. Thuyết Văn nói và văn Hán Thư cho rằng: Vua lấy lời nói nhiều mà chẳng thành thật, tin chắc, cho nên rằng là nói đi nói lại nên vua viết là đối 對. Trong văn kinh viết chí 至 là đến, là chẳng đúng, âm nghiệp 業 là sàng học 床學. Ngược lại âm dưới là trực sử 直史. Lại cũng là âm trực lê 直梨. Cũng là thông dụng.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 102

Tiện Tuệ (便慧). Ngược lại âm trên là tỳ miên 毘綿. Trịnh Huyền chú giải sách Luận Ngữ rằng: Sắp xếp thứ lớp. Theo Thanh loại cho là thói quen. Thuyết Văn nói là an ổn, người là m việc có bất tiện lại càng có sự sắp xếp. Chữ viết từ bộ nhân 人, cánh 更. Trong văn kinh viết chữ tiện 便 cũng là văn thông dụng thường dùng. ngược lại âm dưới là huỳnh giai 熒佳. Vận Anh Tập cho rằng: Tuệ (慧) là giác ngộ. Tiếng địa phương cho rằng: Tuệ là sáng suốt. Khảo Thanh cho là Xác thật, chính xác. Sách Quốc Ngữ cho rằng: Trí thông minh hiểu biết. Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh tuệ 慧. Âm tuệ 慧 ngược lại âm tùy nhuệ 銳.

Vong Mạng 忘命. Ngược lại âm tang hoăng 桑蕘. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Vong là mất. Thuyết Văn nói là chết mất. Chữ viết từ chữ khóc 哭 thanh vong 亡. Văn thường dùng là viết từ bộ vong này là chẳng đúng.

Cổ Đạo (蠱道). Ngược lại âm trên là cô ngũ 姑五. Vận Anh Tập cho là Chất độc là m mê hoặc con người. Vận Thuyên Tập cho là loài côn trùng có chất độc gây bệnh cho người và vật khác. Chất độc đó sách Tự Thư cho rằng: con Thần một đục khoét. Thuyết Văn nói rằng: Trong bụng có loài côn trùng. Chữ viết từ bộ trùng 蟲 thanh mãnh 皿, hoặc viết là cổ, hoặc có âm 野 道 dã đạo. Tiếng địa phương gọi không đồng. Âm 蟲 trùng ngược lại âm trực dung 逐融. Âm đố 蠱 ngược lại âm đô cố 都固. Âm 皿 mãnh ngược lại là âm minh bình 明秉.

Quỷ mị 鬼魅. Ngược lại âm trên là quy vi 歸葦. Thuyết Văn nói

rằng: Con người có chỗ để quay về, mà người chết gọi là ma, hồn ma. Chữ viết từ bộ quỷ 鬼 đến bộ nhân 人 đến bộ tư, âm 厶 tư ngược lại là âm gian 姦 đối không thật. Theo Truyện Xuân Thu cho rằng: Hê là hồn ma thì có chỗ để quay về. Không phải là quỷ ác mà đến. Văn cổ viết quỷ, âm quỷ 鬼. Giống như đầu quỷ. Âm tư (厶) là âm tư 私. Ngược lại âm dưới là mi bí 眉祕. Trong Kinh Sơn Hải cho rằng: Mị 魅 là vật mà thân người, đầu đen, mắt lác liên. Theo Thanh loại cho rằng: Mị là loại quỷ Thần quái lạ. Thuyết Văn cho là Trinh vật lão luyện. Chữ viết từ bộ quỷ 鬼 thanh vị 未, hoặc viết quỷ 鬼 thanh mị. Theo Thanh loại cho rằng: Chữ viết từ bộ mị đều là chữ cổ.

Yểm Đảo (厭禱. Ngược lại âm trên là y diễm (伊琰). Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Yểm là đầy đủ. Giả Quỷ chú giải sách Quốc Ngữ cho: là hợp lại. Thuyết Văn nói rằng: Yểm là đối trá. Chữ viết từ bộ hán 厂 thanh yểm. Chữ viết đúng là yểm. Nay lược bớt. Ngược lại âm dưới là đao lão 刀老. Bao Hàm chú giải sách Luận Ngữ rằng: Đao (禱)

là mời gọi đến. Quảng Nhã cho rằng: Cảm tạ, cũng gọi là mời gọi phúc đến từ nơi quỷ thần gọi là Đao. Thuyết Văn nói rằng: Báo cáo việc cầu phúc gọi là Đao. Chữ viết từ bộ thị 示 thanh đao. Âm trách 笮 là âm trách 責. Âm hán 厂 là âm hãn 罕.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 103

Chế Đa (制多). Xưa dịch là chế để 制底, hoặc dịch là chi đề 支提, đều là tiếng Phạm, chuyển thanh qua tai nghe thật là một. Đây dịch là miếu 廟, tức là chùa, Già-lam, Tháp, Miếu, v.v....

Tốt Đổ Ba (宰堵波). Ngược lại âm trên là tô cốt 蘇骨. Âm dưới là 都古 đô cổ. Tiếng Phạm gọi là Tháp, xưa dịch là Tô-Thâu-Bà 蘇偷婆, xưa dịch cũng không đúng, tức là Tháp thờ những viên Xá-Lợi thân Phật. Xưa dịch hoặc gọi là Phù-dồ.

Bảo Hàm (寶函). Ngược lại âm hà giam 遐緘. Văn thường dùng theo tướng truyền dùng sai. Hàm (函) là cái hang núi, đời Tần gọi là quan 關, tức là cửa ải. Thuyết Văn nói viết đúng là từ bộ mộc 木 viết thành chữ giam 械. Giam nghĩa là cái rương nhỏ. Quảng Nhã cho là Cái rương nhỏ gọi là 械 giam. Vận Thuyên Tập nói là Cát chứa rất nhiều kinh sách đồ vật. Trong kinh gọi là cái tráp, cái hộp chứa đồ quý báu là

Xá-Lợi Phật.

Thanh Trữ (盛貯). Ngược lại âm trên là thành 成. Âm dưới 知 tri 呂 ữ. Thuyết Văn nói rằng: Trữ là chứa, chữ viết từ bộ bối 貝 thanh trữ 宁. Ngược lại âm trực ữ 直 呂.

Thiết-Lợi-La (設利羅). Là tiếng Phạm, xưa dịch sai, hoặc dịch là Xá-lợi. Tức là linh cốt hạt nhỏ của thân Đức Như lai.

(Quyển 104 không có âm giải thích.)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 105

Hung Bội (兇悖). Ngược lại âm trên là húc cung 勗 恭. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hung (兇) là tội lỗi, nói chung gọi là sợ hãi. Thuyết Văn nói là tội ác. Chữ viết từ bộ nhân 人 ở trong chữ hung 凶. Chữ dưới là hội ý, cũng gọi là chữ hình thanh. Ngược lại âm dưới là bồ một 蒲 沒. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Bội (悖) là phản nghịch. Thuyết Văn nói là là m loạn. Hoặc viết là bội 諄 cũng đồng. Từ bộ tâm 心 thanh 悖 悖.

Yếu Một (殽歿). Ngược lại âm trên là yêu kiều 妖 橋. Khảo Thanh cho rằng: Còn thiếu niên mà chết gọi là yếu 殽. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Bẻ gãy ra gọi là yếu. Chữ chánh xưa nay từ bộ ngạt 夕 thanh yếu 夭. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Một (沒) tức là chết. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Một là bị cứng đờ. Mao Thi Truyện cho rằng: Một là hết tận. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ ngạt 夕 thanh một, âm một đồng với âm trên.

Khiển Phạt (譴罰). Ngược lại âm trên là xí kiến 企 見. Quảng Nhã cho rằng: Khiển là quở trách. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Mắng nhiếc. Quế Uyển Châu Tòng cho rằng: Giận đờc+ữ. Thuyết Văn nói rằng: Khiển là tra hỏi. Chữ viết từ bộ ngôn 言 thanh khiển 遣. Ngược lại âm dưới là phiền miệt 煩 蟻. Khảo Thanh cho rằng: Cộng thêm cái tội cho người gọi là phạt 罰. Thuyết Văn nói là tội nhỏ. Chữ viết từ bộ đao 刀 đến chữ phạt đồng với chữ trên, hoặc là viết từ bộ võng 冂 bộ thạch 石. Trong kinh viết từ bộ thốn 寸. Trong kinh hoặc viết chữ phạt 罰 này cùng là chữ thường dùng.

Thính Văn (聽聞). Ngược lại âm thể kinh 體 涇. Âm dưới là văn 文 cũng đồng với âm trên.

Bổ Yết Sa (補羯娑). Là tiếng Phạm, Hán dịch là đực dơ, nước dơ. Nghĩa là loại người ở vùng biên địa thấp kém, vùng xa xôi hẻo lánh, nghiệp của họ xấu ác, không tin nhân quả, hoặc gọi là thích là m ác.

Đồ Quái (屠膾). Ngược lại âm trên là đồ 徒. Khảo Thanh cho là tàn sát, giết hại. Thuyết Văn nói rằng: Đồ là mổ moi ra, phanh ra, cắt đứt lìa ra, phân ra từng mảnh thịt, gọi là đồ (屠). Ngược lại âm đồ 都 thanh tỉnh 省. Ngược lại âm dưới là cổ ngoại 古外. Quảng Nhã cho rằng: Quái (膾) là cắt ra phân ra. Thuyết Văn nói là xắt thịt nhỏ ra, từ bộ nhục 肉 thanh hội 會. Hoặc là viết quái 鱠 dùng nghĩa cũng đồng âm khô 剝 ngược lại là âm khô 枯.

Ngư Liệp (漁獵). Âm trên là ngư 魚. Trong kinh viết từ bộ thủy viết thành chữ ngư 漁, gọi là nước, ở Ngư Vương. Chẳng phải chữ ngư liệp 漁獵. Ngược lại âm dưới là liêm diệp 廉葉. Khảo Thanh cho rằng: Đuổi bắt con chó. Nhĩ Nhã cho là Đi săn hổ, bắt lấy con thú. Nay thông dụng gọi là đi săn thú ở ngoài đồng ruộng, gọi là liệp 獵. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ khuyến 犬 thanh liệp. Âm liệp đồng với âm trên.

Thú Đạt La (戍達羅). Là tiếng Phạm. Xưa gọi là Thủ-Đà-La 首陀羅, hoặc gọi là Thủ-đà 首陀, tức là người nông phu cày ruộng, khai khẩn đất đai.

Ma-Yết-Đà (摩揭陀). Là tiếng Phạm, tên của nước Trung Thiên-trúc, hoặc là Ma-kiệt-Đề 摩竭提, đều là chuyển thanh gọi. Nước này ở giữa có tòa Bồ Đề bằng Kim cương ở dưới gốc cây, nay thấy ở đây cũng giống.

(Từ quyển 106 đến quyển 126 gồm 21 quyển không có âm giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 127

Phân Phức (芬馥). Ngược lại âm phương văn 方文. Tiếng địa phương gọi là Hòa với hương thơm. Khảo Thanh cho rằng: Phân khí thơm bủa khắp. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thảo 艸 viết thành chữ phân 芬. Trong thạch kinh viết từ bộ thảo 草 dưới. Ngược lại âm bằng biến 馮遍. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: Phức (馥) cũng là mùi thơm bát ngát, khí thơm lam tỏa. Chữ viết từ bộ hòa. Ngược lại âm sỉ liệt 聶列.

Tảo Thức (掃拭). Ngược lại âm trên là tảo lão 噪老. Quảng Nhã cho rằng: Tảo (掃) là trừ, hoặc từ bộ thổ 土 viết thành tảo 埽 này. Ngược lại âm dưới là cứu thượng lực 傷力. Quách Phát chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: dọn dẹp sạch sẽ. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thủ 手 thanh thức 式, hoặc viết từ bộ cân 巾 viết thành thức 拭, cũng thuận dùng đồng nghĩa âm trên.

Hiển Cái (憲蓋). Ngược lại âm 筭 偃 can yển. Chữ chánh xưa nay gọi là tấm vải bạt che trên mui xe, để ngăn sức nóng của mặt trời, cũng gọi là màn che phủ lên trên xe, nên gọi là hiển, hoặc viết là can 玦. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Viết chữ này từ bộ 巾 thanh hiển 憲. Ngược lại âm dưới là ca ngải 哥艾. Văn thường dùng và Quảng Nhã cho rằng: Cái (蓋) là che đậy. Thuyết Văn cho là Lấy cỏ lợp lên. Chữ viết từ bộ thảo 草 đến chữ hạp 蓋. Âm hạp là âm hợp 合. Chữ cái 蓋 từ bộ thảo 草 đến bộ đại 大 đến bộ mãnh 𠂔 viết thành chữ 蓋 cái. Nay trong văn kinh viết từ bộ dương 羊 đến bộ mãnh 𠂔 viết thành chữ cái, cũng là văn thông dụng thường dùng.

Miệt Lệ Xa (蔑戾車). Ngược lại âm miên di 眠彌. Âm kế là lê kiết 黎愒. Âm dưới là xỉ-da 齒耶. Là tiếng Phạm, là sai. Đúng âm Phạm đọc là Tát-lật-sa 畢俠磋, Hán dịch là hà tiện, là hạng người là m nghề dơ ướ, không biết lễ nghĩa, dâm dật, phóng đảng, cúng tế quỷ thần, tàn hại lẫn nhau. Âm di 彌 ngược lại âm miệt nghi 邊蔑. Âm sa 磋 ngược lại âm thương hà 倉何.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 128

Du Ứ (躡於). Ngược lại âm du chu 庾朱. Quảng Nhã cho rằng: Du (躡) là vượt qua. Thuyết Văn nói là vượt qua. Chữ viết từ bộ túc 足 thanh du 俞. Chữ du 俞 từ bộ nhập nhất đến bộ chu 舟 đến bộ xuyên, xuyên là dòng nước chảy, âm du đồng với âm trên. Âm nhập ngược lại âm tinh nhập 精入. Âm xuyên ngược lại âm cổ ngoại 古外. Dưới là chữ ư 於. Thuyết Văn nói viết chữ điển 殄 từ văn cổ. Ngược lại âm ô 烏. Chữ viết lược.

Xà Yết (蛇蠍). Ngược lại âm lại âm trên là xã già 社遮. Trong văn kinh viết xà 蛇 này là văn thông dụng thường dùng. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ trùng 虫 đến bộ tha 它, âm tha 它 ngược lại âm đồ

hà 徒何. Tha (它) là chữ cổ, nghĩa là nơi ở của loài hoang dã, cũng gọi là cái hang. Cũng gọi là văn nghi vấn để hỏi, gọi là vô tha (không có nó). Ngược lại âm dưới là hương yết 香謁. Theo Tập Huấn truyện cho là loài côn trùng cắn đốt người. Thuyết Văn nói viết đó 蠹 là con mọt, sâu mọt, chữ tượng hình. Nghĩa là loại côn trùng độc hại. Theo Lê Sách viết từ bộ trùng 虫 thanh yết 歇. Nay văn kinh viết hạt 蝮 là con mọt trong gỗ, là con ấu trùng, con bọ hung, chẳng phải con bò cạp. Âm đó 蠹 ngược lại âm sủu giới 丑介. Âm từ 蝮 là âm đậu 酉, âm tế 齋 là âm tế 齋.

Thân Anh (身嬰). Ngược lại âm ích doanh 益盈. Khảo Thanh cho rằng: Anh (嬰) là bị trói buộc. Vận Thuyên Tập cho rằng: Gặp gỡ, cũng gọi là bao vây, xung quanh. Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ nữ 女 thanh anh, từ hai bộ bối 貝. Trong văn kinh viết tè hai bộ mục 目 đến chữ an 安 là chẳng đúng. Âm chấp 繫 ngược lại âm tri lập 知立. Âm anh đồng với âm trên.

Lại Tật (癩疾). Ngược lại âm lai đại 來大. Văn thường dùng và Quảng Nhã cho rằng: Là bệnh hủi, bị thương tổn. Thiên Thương Hiệt cho là Đau đớn, bệnh tật. Thuyết Văn nói chữ viết đúng là chữ lệ 癩 là bệnh nhọt độc. Chữ viết từ bộ tật lệ thanh tỉnh 省. Thuyết Văn nói rằng chữ lại 賴 từ bộ phụ 負 thanh lại 賴. Chữ lệ 癩 ngược lại âm lai đại 來大. Âm lại 賴 ngược lại âm lạc hạt 勒嗜. Âm tật 疾 ngược lại âm nữ ách 女厄.

Thũng Pháo (腫胞). Ngược lại âm trên là chi dũng 之勇. Thuyết Văn nói rằng: Thũng là sưng lên mụn nhọt u lên, chữ viết từ bộ nhục 肉. Ngược lại âm dưới là bao mào 庖貌. Thuyết Văn nói cho rằng trên mặt mọc mụn mụn đỏ. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ bì 皮 viết thành chữ pháo 胞 cũng viết chữ pháo 胞 đều đồng, văn thường dùng cũng viết từ trên mặt nên viết là pháo.

Huyền Y (眩醫). Ngược lại âm trên là huyền quyên 玄絹. Giả Quỳnh chú giải sách Quốc ngữ rằng: Huyền hoặc, mê hoặc lẫn lộn. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Nhìn không thấy rõ. Thuyết Văn nói rằng: Mắt không thường là m chủ. Chữ viết từ bộ mục 目 thanh huyền 玄. Ngược lại âm dưới là ư kế 於計. Quách Phác cho rằng: Y (醫) là bị che khuất. Khảo Thanh cho rằng: Trong mắt bị bệnh. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ mục 目 thanh y. Âm y Ngược lại âm nhất hề 一奚.

Khô Hạc (枯涸). Ngược lại âm trên là khang hồ 康胡. Khảo Thanh cho là Cây chết khô. Hoặc từ chữ liệt là m chữ khô là chữ cổ ngược lại âm dưới là hà các 何各. Giả Quỳnh chú giải sách Quốc ngữ rằng: Hạc

(涸) là kiệt quệ hết. Quảng Nhã cho là hết. Thuyết Văn nói là cạn kiệt, khô ráo. Chữ viết từ bộ thủy thanh cố 固.

Sương Khiếp (箱篋). Ngược lại âm trên là tưởng dương 想羊. Chữ tóm tắt lại là sương 箱 là từ bộ trúc 竹. Là dụng cụ để chứa đồ đạc, cũng gọi là cái thùng. Khảo Thanh cho rằng: Khiếp (篋) là cái rương nhỏ kín. Thuyết Văn nói là Cái rương bằng tre. Chữ viết từ bộ trúc 竹 thanh khiếp 篋, hoặc viết từ bộ mộc 木 viết thành khiếp 愜. Theo âm loại ngược lại là kiêm diệp 兼葉.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 129

Chi Điều (枝條). Ngược lại âm trên là chỉ di 紙移, âm dưới định điều 定彫. Chữ viết đều từ bộ mộc 木.

Hành Cản (莖稈). Ngược lại âm trên là hạnh canh 幸耕. Thuyết Văn nói là nhánh cây. Chữ viết từ bộ thảo 草 thanh hành. Ngược lại âm dưới là ca lại 哥懶. Theo Tập Huấn Truyện gọi là Cây lúa. Quảng Nhã cho là Cọng lúa mềm của thân cây lúa gọi là cản 稈. Thuyết Văn nói là thân cây lúa. Chữ viết từ bộ hòa thanh căn, hoặc viết là cán. Trong văn kinh viết cán 幹. Âm cán 幹 đều chẳng phải bốn chữ ở đây dùng.

(Từ quyển 130 đến quyển 167 gồm 38 quyển không có âm giải thích.)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 168

Giả Tạ (假藉). Ngược lại âm tình dạ 情夜. Dịch là dùng chiếu bằng cỏ tranh thì không có lỗi. Thuyết Văn nói rằng: dùng chiếu cỏ để cúng tế. Chữ viết từ bộ thảo 草 thanh tích 積. Âm tích ngược lại âm tình diệp 情亦.

Khuyến Lệ (勸勵). Ngược lại âm trên là khuông nguyện (匡願). Quảng Nhã cho rằng: khuyến là trợ giúp. Khảo Thanh cho là Khuyên bảo, khen thưởng. Thuyết Văn nói là khích lệ. Chữ viết từ bộ lực 力 thanh quyền. Âm quyền là âm hoan 歡. Ngược lại âm dưới là lực đối 力對.

Trong Truyện Quế Uyển Châu Tòng cho rằng: Lệ (勵) là khuyến khích, khích lệ. Đỗ Dự chú giải trong Tả Truyện rằng: khuyến khích nhau. Chữ viết từ bộ lực 力 thanh lệ 厲.

Điên Đảo (顛倒). Ngược lại âm trên là đình kiên 丁堅. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Diên là bị che đậy, nói trái ngược lại. Quảng Nhã cho rằng: Đảo ngược, lộn lại. Mã Dung chú giải sách Luận Ngữ rằng: Té nhào lật ngựa dưới đất. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ diên. Lại cũng từ bộ tẩu 走 viết thành chữ diên 延, hoặc la viết diên 偵 này đều thông dụng. Trong văn kinh viết thông thường chữ diên 顛 văn thường hay dùng là chẳng phải bốn chữ. Ngược lại âm dưới là đương lão 當老. Khảo Thanh cho rằng: Té nhào lộn.

Túc Thực (宿殖). Ngược lại âm trên là tương dục 相育. Khảo Thanh cho rằng: Túc (宿) là lâu bền. Thuyết Văn nói rằng: Dừng lại. Chữ viết từ bộ miên 綿 thanh túc đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới là thời lực 時力. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Thực (殖) là mọc lên. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện là Lâu dài. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Nghỉ ngơi. Hoặc là từ bộ mộc 木 viết thành chữ thực 植 này cũng đồng nghĩa.

Khủng Nhiếp (恐懼). Ngược lại âm trên là khúc củng 曲拱. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Khủng 恐 là sợ hãi. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ tâm 心 thanh khủng. Văn cổ viết khủng 恐 khủng là âm拱 củng. Từ bộ công 工 đến bộ phong 丰 đến bộ ất 乙, âm ất 乙 là âm ẩn 隱. Trong văn kinh viết từ bộ thảo 草, trong sách từ biến thể viết thành khủng 恐 là sai. Ngược lại âm dưới là chi nghiệp 之業. Nhĩ Nhã cho: là sợ hãi. Chữ trong sách viết là phạ 怕 cũng là sợ sệt. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ tâm 心 thanh nhiếp 聶. Trong văn kinh viết nhiếp cũng là sợ hãi. Chữ này chẳng phải bốn chữ. Âm nhiếp 聶 ngược lại âm nữ liệt 女獵.

Giới uẩn (戒蘊). Ngược lại âm giai ải 皆隄. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Giới là sợ, giạt mình. Khảo Thanh cho là Phòng bị. Tự Thư cho là Cẩn thận. Thuyết Văn cho là Bái lạy giữ gìn. Chữ viết từ bộ qua 戈 viết thành chữ giới 戒 là không trái ngược. Ngược lại âm dưới là uy vẫn 威殞. Tiếng địa phương cho rằng: Uẩn (蘊) là chứa nhóm. Mã Hưu chú giải Luận Ngữ rằng: Gối lại cất chứa. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thảo 草 thanh uẩn 緼.

Quyển 170, 171 hai quyển này đều không có âm giải thích.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 172

Tê Hà 齊何. ngược lại âm trên là tịch tế 寂細. Tự Thư giải thích là hạn chế. Khảo Thanh cho là phân đoạn ra, dùng chữ giả tá.

Bất miệt (不蔑). Ngược lại âm miên kiết 眠愒. Thuyết Văn nói là Khinh thường. Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh miệt 蔑. Trong kinh viết chữ 蔑 này là sai, chẳng phải bốn chữ. Âm miệt 蔑 đồng với âm 剔 ở trên là âm 易 dị.

(Kinh từ quyển 173 đến quyển 180 gồm tám quyển không có âm giải thích.)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 181

Bất giảm (不減). Ngược lại âm canh trảm 耕斬. Khảo Thanh cho là Tồn giảm, khiến cho mặt trời nhỏ lại, giảm bớt. Thuyết Văn nói là Tồn giảm, từ bộ thủy thanh hàm 咸. Lại viết từ bộ 冫 viết thành chữ giảm 減 này là chẳng phải. Âm 冫 băng là âm 冰 băng.

Bào Thai (胞胎). Ngược lại âm trên là 補交 bổ giao. Văn cổ viết là 包 bao. Chữ tượng hình chữ 胎 là dựa theo Thạch kinh của Thái Ung cộng thêm bộ nhục 肉 viết thành chữ bào 胞. Thuyết Văn cho là Đưa trẻ mới sinh ra. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Gối trong bao. Trang Tử cho rằng: Bào (胞) là cục thịt ở trong bụng, vẫn thường hay dùng. Ngược lại là âm phổ bao 普包. Ngược lại âm dưới là tha lai 他來. Quảng Nhã cho rằng: Người phụ nữ có thai hai tháng gọi là thai (胎). Thuyết Văn nói là người đàn bà mang thai hai tháng. Thiên Thương Hiệt cho là người nữ mang thai sanh ra yêu mị. Chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh đài 台. Âm quả 寡 là âm quả 果.

Quý Chánh Pháp (匱正法). Ngược lại âm trên là cuồng vị 狂位. Quý (匱) là cái tráp, cái hộp. Chữ viết từ bộ phương 匚 thanh quý 貴. Hoặc là viết quý 櫃. Trong kinh cho rằng: Quý (匱) là pháp tắc, quý đó cũng gọi là xẽn pháp, keo bản pháp, ngăn không vào được thân tâm bí mật không nói, gọi là keo bản, tiếc rẻ thánh giáo, không chịu lưu truyền, giấu kín bí mật, giống như cái rương, cái tráp nên gọi là quý pháp (匱法). Cái rương cất giấu Phật pháp. Đức Phật nói đây là người

đắc tội rất nặng, thà rằng tạo tội Vô gián chứ không là m cái rường cật giấu pháp.

Sảo vi (稍微). Ngược lại âm trên là sương giáo 霜教. Vận Thuyên Tập cho rằng: Từ từ chút ít. Quảng Nhã cho rằng: Hỏi một chút, trừ bỏ dần dần khiến cho nhỏ lại. Thuyết Văn nói là Vứt vật ra từ từ. Chữ viết từ bộ hòa thanh tiêu 肖. Ngược lại âm dưới là vĩ phi 尾非. Tả Thị Truyện cho rằng: Vi (微) là không. Sách Tự Thư cho rằng: Vi là nhỏ, vi tế. Thuyết Văn nói là Ẩn hạnh. Chữ viết từ bộ xước 𠂔 thanh vi. Âm xước 𠂔 ngược lại âm sửu xích 丑尺. Âm vi đồng với âm trên. Trong kinh viết từ bộ sơn 山 đến bộ nguyệt 夕 viết thành chữ vi 微. Văn thường dùng là sai.

Hiểm Ác (險惡). Ngược lại âm trên là hương kiểm 香檢. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Hiểm cũng gọi là ác. Giả Quỷ chú giải sách Quốc ngữ cho là Nguy hiểm. Thuyết Văn cho là hiểm trở, ngăn cách, khó khăn. Chữ viết từ bộ phụ 阜 thanh kiểm. Ngược lại âm dưới là ô các 烏各. Thuyết Văn nói rằng: Bất thiện, là ác. Chữ viết từ bộ á 亞 đến bộ tây 西 là chẳng đúng.

Tam Tai (三災). Ngược lại âm tể lai 宰來. Thuyết Văn cho là lửa cháy thiêu rụi gọi là tai 災. Văn cổ viết xuyên 川 cũng viết tai 災 đều là chữ cổ. Tam tai có hai loại: Lớn và nhỏ. Mỗi thứ đều khác nhau, đều ở trong kiếp giảm. Tiểu tam tai là Đói khát, dịch bệnh, đao binh. Đại tam tai đó là Lửa cháy, gió bão, nước cuốn trôi. Đều gọi là tai. Ở trong thời mạt kiếp, cũng gọi là kiếp tai.

Tuần hoàn (循環). Ngược lại âm tùy luân 倫. Ba Thương gọi là đi tuần khắp. Nhĩ Nhã cho là theo, là tốt là nh. Thuyết Văn nói là đi. Chữ viết từ bộ xước thanh tuần. Âm tuần là thuận. Âm dưới là hoàn 還. Trịnh Tiễn chú giải sách Chu Lễ rằng: Hoàn là đi một vòng. Hà Hư chú giải Công Dương Truyện rằng: Thống nhất lại, tóm lại. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ ngọc, thanh hoàn.

Hư luy (虛羸). Ngược lại âm lực truy 力追. Thuyết Văn nói thân thể bệnh tật, gầy yếu. Chữ viết từ bộ dương 羊, thanh luy. Âm luy đồng với âm trên.

Ổi tạp (猥雜). Ngược lại âm trên là ô mỗi 烏每. Quảng Nhã cho rằng: Ổi là tạp loạn. Khảo Thanh cho rằng: bất chánh mà vượt quá mức. Luận Ngữ nói: Người quân tử lúc cùng khốn thì giữ vững hành động, kẻ tiểu nhân lúc cùng khốn thì là m bữa bãi. Nên gọi là ổi 猥. Tự Thư cho rằng: Ổi là dơ uest. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Ổi là tạp loạn. Thuyết Văn nói là bầy chó sủa. Chữ viết từ bộ khuyển 犬 thanh ổi. Ngược lại

âm dưới là tài hợp 才合. Tự Thư cho rằng: Tạp loạn hòa lẫn với nhau. Khảo Thanh cho rằng: so le không thẳng hàng. Thuyết Văn cho rằng: Năm món ăn trộn lẫn với nhau. Chữ viết từ bộ y 衣 thanh tập 集. Theo chữ tạp 雜 đúng thể từ bộ y 衣, thanh tập 集. Theo Lê Sách cho rằng: Lấy cho tiện lợi nên dời đổi thành bộ mộc 木. Trong bộ y 衣 dưới viết tạp 雜. Lại nhân bộ 草 thảo sách viết đổi thành bộ 衣 y là đứng thẳng. Tương truyền rằng viết chữ 雜 tạp này là mất, là xa.

Ung Thư (雍疽). Ngược lại âm trên là ức cung 億恭. Trang Tử gọi là ung thư, đó tức là bệnh ghẻ lở u nhọt. Tư Mã Bưu chú thích rằng: Trong thân thể con người nhiệt nóng nổi lên mụn nhọt, hoặc là khí huyết không thông là ung là ứ lại. Thuyết Văn nói là sưng lên. Chữ viết từ bộ tật thanh ung 雍, hoặc viết là ung 癰. Âm dưới ngược lại là âm thất dư 七余. Thuyết Văn cho là Nổi mụn ung lâu ngày thành ra thư. Chữ viết từ bộ tật thanh thư 苴. Âm thư 苴 ngược lại âm tử dư 子余. Âm thư 苴 Thuyết Văn cho rằng: theo hai cách đọc, một là trong kinh viết theo chữ thư 苴 bày là sai.

Giới Ung (疥雍). Ngược lại âm lại âm trên là 介 giới. Khảo Thanh cho rằng: Giới ung là cái mụn ghẻ lở, hoặc viết chữ giới 玠 này. Thuyết Văn nói cho rằng bệnh ghẻ lở. Quảng Nhã cho rằng: Cái mụn nhọt.

Phong cuồng (風狂). Ngược lại âm phong dương thừa khánh 封楊承慶 hai âm. Tóm lại cho rằng: Vì loài côn trùng sinh ra gió, cho nên chữ phong 風 có bộ trùng 虫. Thuyết Văn nói rằng: Gió lay động, loài côn trùng sinh ra, cho nên loài côn trùng sinh ra tám ngày, mà hóa sanh ra. Chữ viết từ bộ trùng 虫 thanh phạm 凡. Ngược lại âm dưới là cù vương 衢王. Cố Dã Vương cho là ngu xuẩn, là m cho kinh sợ lo buồn hãi hùng tim đập mạnh. Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Cuồng là người bị xúc phạm thần kinh sinh ra cuồng, cũng gọi là người mất bốn tâm. Thuyết Văn nói cuồng là cuồng chế, gọi là con chó điên. Chữ viết từ bộ khuyển 犬 thanh cuồng. Âm tuấn 駿 ngược lại âm nhai giải 崖解. Âm quý 悸 ngược lại âm quỳ quý 葵季. Âm là âm cuồng. Đều là âm quỳ vương 逵王. Âm chiết là âm chế 制.

Điên giản (癲癩). Ngược lại âm đinh kiên 丁堅. Quảng Nhã cho là điên rồ. Theo Thanh loại cho rằng: gió lớn, gió mạnh. Thuyết Văn nói lại viết ngu 虞. Ngược lại âm dưới là hạn gian 限姦. Theo Thanh loại cho là bệnh của đứa trẻ động kinh. Thuyết Văn cho rằng: Giản là bệnh phong. Chữ viết từ bộ tật thanh gian 間. Âm gian 姦 là âm giang 間.

Đông Tàn (疼殘). Ngược lại âm trên là lực trung 力中. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử là Mụn nhọt độc. Thiên Thương Hiệt

cho rằng: Bệnh lâu ngày. Thuyết Văn cho là Bệnh phong kiết. Chữ viết từ bộ long thanh tỉnh 省. Ngược lại âm dưới là tàng an 藏安.

Bối Lũ (背僂). Ngược lại âm lực cự 力炬. Khảo Thanh cho rằng: Ẩu lũ là thân cúi xuống. Quảng Nhã cho là Xương sống cong lại. Thuyết Văn nói rằng: Gây yếu bệnh hoạn, từ chữ lũ 縷 thanh tỉnh 省. Âm uông 尫 ngược lại âm vu vương 紆王.

Tọa Lậu 矧陋. Ngược lại âm trên là tọa tri 矧知. Quảng Nhã cho rằng: Tọa 矧 là lùn thấp. Ngược lại âm dưới là lô đậu 盧豆. Vương Dật chú giải Sở Từ rằng: Lậu là nhỏ chật hẹp. Nhĩ Nhã cho rằng: Nơi vùng đất xa xôi hẻo lánh, nơi biên giới. Hiếu Thanh cho rằng: Lậu là xấu xa, thấp hèn. Thuyết Văn nói rằng: Chật hẹp, thô sơ, nông cạn, thấp hèn. Chữ viết từ bộ phụ 阜 thanh lậu, âm lậu đồng với âm trên.

Luyển Tích (攣蹠). Ngược lại âm trên là lực truyền 力傳. Khảo Thanh cho là bệnh tay chân gây yếu, co lại. Ngược lại âm dưới là tịnh diệc 并亦. Cố Dã Vương cho là cái chân bị khô, teo lại không thể đi được. Hoặc viết chữ tích 蹠 này. Thuyết Văn cho rằng: Chữ luyển viết từ bộ thủ 手. Chữ tích viết từ bộ chỉ 止, đều là chữ hình thanh, hoặc là viết từ bộ túc 足.

Khô Tụy (枯). Ngược lại âm khổ ngô 苦吾. Âm dưới là tình toại 情遂. Sách Tự Thư cho rằng: Khô tụy là dáng vẻ ốm gầy xấu xí, hoặc là viết chữ tụy này cũng đồng nghĩa.

Ngoan Ngân (頑嚚). Ngược lại âm trên là 五. Quảng Nhã cho rằng: Ngoan (頑) là ngu độn. Thuyết Văn nói rằng: Đánh tát cái đầu. Chữ viết từ bộ hiệt 頁 thanh ngoan. Ngược lại âm dưới là ngữ cân 語斤

Theo Tả Thị Truyện cho rằng: Lòng không có nghi tắc nghĩa đức. Trong kinh gọi là ngoan khẩu 頑口. Nghĩa là miệng nói không có đạo trung tín, nên gọi là Ngân. Thiên Thương Hiệt rằng: Ngân (嚚) là xấu ác, lão khoét, ngu xuẩn. Thuyết Văn nói rằng: Chữ viết từ bộ ngân thanh thân 臣. Âm quặc 攔 ngược lại âm hồ bản 胡本. Âm ngân ngược lại âm trạch lập 澤立.

Phi Báng (誹謗). Ngược lại âm trên là phi vị 非味. Âm dưới là bổ lãng 補浪. Sách Đại Đái Lễ cho rằng: chê bai mà nói toạc ra, khuyên can, tranh luận với nhau tốt xấu đều phơi bày ra, trở trụ ra. Cổ Ứng Thiệu chú giải Hán Thư rằng: Là miếng ván bắt cầu ngang qua. Cho nên sách chính trị nói chê bai là mất đi tất cả. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Chê bai, nguyên rửa, dùng lời nói độc ác mà nguyên rửa người. Thuyết Văn nói rằng: Hai chữ hồ tương với nhau là chê bai, hủy nhục người, nói đều là chữ hình thanh.

Tự Hãm (自陷). Ngược lại âm hàm lam 咸 藍. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Hãm (陷) là bị lấp vùi, chìm xuống. Thuyết Văn nói là rớt xuống. Chữ viết từ bộ phụ 阜 thanh hãm. Âm hãm ngược lại âm huynh tỉnh 阱 兄. Từ bộ nhân 人 ở trong bộ cữu 臼. Trong kinh viết từ bộ trảo 爪 là chẳng đúng. Âm phụ 阜 là âm phụ 負, âm cữu 臼 là âm cữu 舊. là Chữ tượng hình.

Trầm Nịch (沉溺). Ngược lại âm trên là trì lâm 池 林. Cố Dã Vương cho rằng: Trầm (沉) là chìm xuống. Thuyết Văn nói rằng: Chữ viết từ bộ thủy thanh trầm. Âm trầm 沉 là âm dâm 淫. Ngược lại âm dưới là nê lịch 泥 歷. Theo sách Lễ Ký, Khổng Tử cho rằng: Người quân tử chìm trong miệng, kẻ tiểu nhân chìm trong nước. Thuyết Văn nói rằng: Chìm trong nước là từ con người, cũng viết là nịch. Nay thông dụng cũng viết nịch 溺, từ bộ thủy viết thành chữ nịch 溺. Thuyết Văn nói gọi là tên nước. Trong sách viết rằng: Đạo yếu mà nước chảy về phía Tây đến là hợp với lòng dân chúng.

Oa Loa (蝸螺). Ngược lại âm trên là quả hoa 寡 華. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã là con ốc sên. Thuyết Văn nói rằng: Loa là con tò vò. Quế Uyển Châu Tông cho rằng: Ở trong nước sanh ra loại côn trùng. Ngược lại âm dưới là lỗ hòa 魯. Nhĩ Nhã cho rằng: Con phù du, con ốc sên. Các loại này đều không phải con tò vò, mà tức là con ốc sên, loại lớn ở dưới biển. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ trùng 虫 thanh loa. Trong kinh viết loa 螺 này cùng là văn thường dùng, là chẳng đúng.

Lan Phấn (爛糞). Ngược lại âm phân vấn 分 問. Thuyết Văn cho là Lan Phấn là trừ bỏ. Chữ viết từ bộ hoa đến bộ cung 卩, âm cung 卩 là âm cung 供, là âm hoa. nghĩa là lấy cái sàng sảy bỏ đi. Là chữ tượng hình. Giống như hạt gạo mà chẳng phải hạt gạo, tức là cám. Dùng chày giã đập ra, bỏ đi, là chữ hội ý. Hoặc viết là phân đều đúng. Trong văn kinh viết từ bộ hắc 黑 hoặc viết từ dị 異, đều là văn thường dùng chẳng phải chữ đúng. Âm thôi 推 ngược lại âm tha lôi 他 雷.

Hình mạo (形貌). Ngược lại âm mao báo 茅 豹 là chữ cỏ, Thuyết Văn nói nhi 兒 giống như mặt người, hoặc viết từ bộ hiệt 頁 viết thành chữ mạo. Chữ mạo 貌 thanh tỉnh 省.

Quán Tập (攢習). Ngược lại âm cổ hoạn 古 患. Thuyết Văn nói hoặc là viết từ bộ sước 辵 viết thành chữ quán 貫, đều gọi là tập 習 nghĩa là thói quen. Nhĩ Nhã cùng đồng cho rằng chữ viết từ bộ thủ 手 thanh quán 貫, hoặc là viết xuyên 串, chữ cổ. Trong văn kinh viết từ bộ tâm 心 viết thành chữ quán 慣 là chẳng đúng, đều không có chữ này.

(Từ quyển 182 đến 290 gồm 119 quyển không có âm giải thích.)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 291

Cam giá 甘蔗. Ngược lại âm chi dạ 之夜. Tự Thư cho rằng: Cây mỗ quạ.

Cù lao (劬勞). Ngược lại âm cụ ngu 具愚. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Cù lao là bệnh. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Chữ cù 劬 cũng giống như chữ lao 勞. Nghĩa là vất vả, nhọc nhằn.

(Từ quyển 292 đến 299 gồm 8 quyển đều không có âm để giải thích.)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 300

Thiếp Khoáng (涉壙). Ngược lại âm trên là thời diệp 時葉. Theo Hàn Thi Truyện giải thích rằng: Thiếp (涉) là vượt qua sông. Hán Thư

cho là trải qua. Thuyết Văn cho Là đi bộ, lội dưới nước. Chữ viết từ bộ 步 đến chữ lâm 林. Chữ hội ý. Nay lược bớt gọi là thiếp 涉. Ngược lại âm dưới là khổ báng 苦謗. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Khoáng (壙) là chỗ đất trống. Quảng Nhã cho là Rộng lớn. Hiếu Thanh cho là cánh đồng hoang dã thật xa. Hoặc viết chữ khoáng 曠, cũng lại viết chữ khoáng 壙 cũng thông dụng, thường dùng.

Phóng mục (放牧). Ngược lại âm mạc bốc 莫卜. Cố Dã Vương cho rằng: Mục (牧) là tên gọi chung những người chăn nuôi gia súc. Thuyết Văn cho rằng: Người nuôi bò, ngựa. Chữ viết từ bộ ngưu 牛 thanh chi 支.

Hoài dưng (懷孕). Ngược lại âm trên là hồ quai 胡乖. Khổng

An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Hoài là an ổn. Thuyết Văn cho rằng: Hoài là nhớ nghĩ. Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh hoài 褱. Hoặc là viết từ bộ nữ 女 viết thành hoài. Ngược lại âm dưới là dực chứng 翼證.

Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Mang đưa con. Quảng Nhã cho là mang thai. Thuyết Văn cho là Ôm đưa con trong lòng. Chữ viết từ bộ tử 子 thanh tử 子. Văn cổ viết hoài.

(Quyển 301 không có âm để giải thích.)

